

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN EARTH CORPORATION VIỆT NAM

—0300080—

BÁO CÁO
CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN EARTH
CORPORATION VIỆT NAM
NĂM 2025

Địa chỉ: Lô C6 đường N3, Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, Phường Tân Hiệp,
TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, Năm 2026

CÔNG TY TNHH HANSOLL VINA (HSV.)

-----๘๐0๐๘-----

BÁO CÁO
CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN EARTH
CORPORATION VIỆT NAM
NĂM 2025

Địa chỉ: Lô C6 đường N3, Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, Phường Tân Hiệp,
TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Le Kieu NGƯỜI ĐẠI DIỆN *Nguyễn Văn Tuấn*
Hi Takuro
Ký (đồng dấu nếu có)

CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
EARTH
CORPORATION
VIỆT NAM
NGƯỜI GIÁM ĐỐC
YAMAUCHI YUTAKA

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Tuấn
Nguyễn Văn Tuấn
NGUYỄN HIẾN THUẬN

TP. Hồ Chí Minh, Năm 2026

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	iii
DANH MỤC BẢNG BIỂU	iv
DANH MỤC HÌNH ẢNH	iv
THÔNG TIN CHUNG.....	1
PHẦN 1. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.....	3
1. Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải	3
1.1. Xử lý nước thải	3
1.2. Kết quả quan trắc nước thải	6
1.2.1. Quan trắc định kỳ nước thải.....	6
2. Về công trình bảo vệ môi trường đối với khí thải	8
2.1. Xử lý khí thải	8
2.2. Kết quả quan trắc khí thải:.....	11
2.3. Quan trắc khí thải liên tục, tự động: Không có.....	11
3. Về quản lý chất thải rắn	11
3.1. Chất thải rắn sinh hoạt	11
3.2. Chất thải rắn công nghiệp	12
4. Chất thải nguy hại	12
5. Về quản lý chất thải y tế: Không có.....	14
6. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	14
6.1. Xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường	14
6.2. Ứng phó và khắc phục sự cố môi trường xảy ra tại cơ sở.	16
7. Về báo cáo quản lý các chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy: Không có.....	17

8. Kết quả khắc phục các yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có): Không có.....	17
PHỤ LỤC.....	18

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BOD ₅	Nhu cầu oxy sinh hóa sau 5 ngày đo ở 20°C
BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BTCT	Bê tông cốt thép
BVMT	Bảo vệ môi trường
BYT	Bộ y tế
CTNH	Chất thải nguy hại
CTR	Chất thải rắn
CTRCNTT	Chất thải rắn công nghiệp thông thường
CTRSH	Chất thải rắn sinh hoạt
KCN	Khu công nghiệp
ND – CP	Nghị định Chính phủ
NTSH	Nước thải sinh hoạt
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TDS	Tổng chất rắn hòa tan trong nước
TSS	Tổng chất rắn lơ lửng trong nước
TXLNT	Trạm xử lý nước thải
XLNT	Xử lý nước thải

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Danh sách các đợt quan trắc định kỳ năm 2025	6
Bảng 2. Thông số quan trắc nước thải	7
Bảng 3. Kết quả quan trắc nước thải.....	7
Bảng 4. Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc vượt quy chuẩn	8
Bảng 5. Thống kê chất thải rắn sinh hoạt	12
Bảng 6. Thống kê chất thải rắn công nghiệp thông thường.....	12
Bảng 7. Thống kê khối lượng rác nguy hại năm 2025.....	13

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1. Cấu tạo bể tự hoại 03 ngăn xử lý nước thải sinh hoạt	3
Hình 2. Quy trình xử lý nước thải của Công ty	5
Hình 3. Sơ đồ công nghệ hệ thống hấp thụ hơi axit	9
Hình 4. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý bụi của dây chuyền sản xuất Amiphot.....	10
Hình 5. Bản vẽ công nghệ hệ thống xử lý bụi của dây chuyền sản xuất Amiphot.....	11

**CÔNG TY TNHH EARTH
CORPORATION**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ... /BCCTBVM

Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO

Công tác bảo vệ môi trường năm 2025

THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN EARTH CORPORATION VIỆT NAM

- Địa chỉ: Lô C6 đường N3, Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, Phường Tân Hiệp, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

- Người đại diện: YAMAUCHI YUTAKA

- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất chất tẩy rửa; chất diệt côn trùng; thiết bị cho việc phun, làm phân tán chất lỏng hoặc bột; sản xuất máy hóa lỏng khí và gas; máy cung cấp gas; sản phẩm diệt muỗi, sản phẩm tạo mùi thơm với công suất 80.000 tấn/năm.

- Tần suất hoạt động: Thường xuyên

- Mã số thuế: 3700728495

- Giấy đăng ký kinh doanh số 3700728495 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 07 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 09 tháng 08 năm 2025 do Sở tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 2110260037 chứng nhận lần đầu ngày 25 tháng 10 năm 2021 do Ban Quản lý các KCN Bình Dương cấp.

- Giấy phép môi trường số 294/GPMT-BTNMT được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 09 tháng 11 năm 2022.

- Khối lượng sản phẩm của năm báo cáo và năm gần nhất (kèm theo đơn vị đo):

+ Năm 2024: 30,934 tấn/năm

+ Năm 2025: 29,94 tấn /năm

- Nhiên liệu, điện, nước tiêu thụ của năm báo cáo và năm gần nhất (kèm theo đơn vị đo):

+ Tổng tiêu thụ điện mà cơ sở phát sinh trung bình trong năm 2025 và năm gần nhất

STT	Lượng điện năng tiêu thụ (KWh/ngày đêm)	
	Năm 2024	Năm 2025
2	3.147 kWh/ ngày đêm	2.586 kWh/ ngày đêm

+ Tổng lượng nước mà cơ sở tiêu thụ trung bình trong năm 2025 và năm gần nhất

STT	Lưu lượng nước sử dụng (m ³ /ngày đêm)	
	Năm 2024	Năm 2025
2	125,34 m ³ /ngày đêm	191,97 m ³ /ngày đêm

PHẦN 1. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải

1.1. Xử lý nước thải

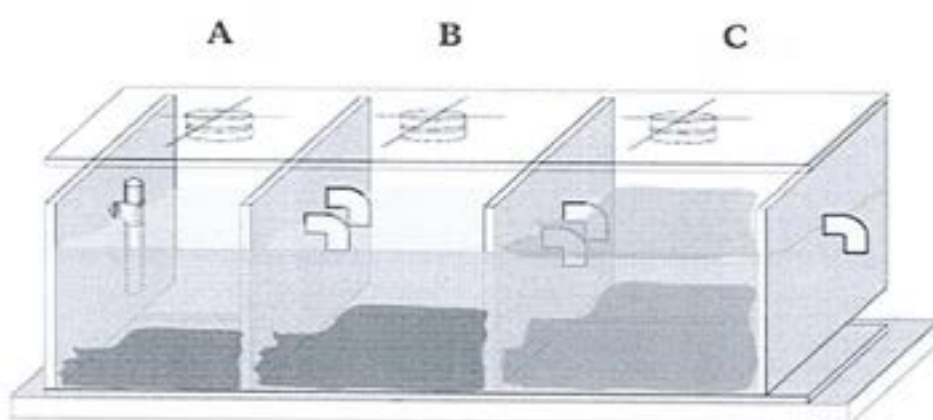
❖ Đối với nước mưa

Lượng nước mưa từ trên mái theo các ống dẫn, đổ xuống hệ thống thoát nước mưa, rồi đổ vào hệ thống cống chung của KCN Nam Tân Uyên.

❖ Nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt của nhà vệ sinh khu văn phòng được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn rồi xả vào cống thu gom nước thải của KCN Nam Tân Uyên. Còn khu nhà vệ sinh mới cũng được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn rồi xả về hố thu của nước thải sản xuất.

Nguyên tắc hoạt động của bể này là lắng cặn và phân hủy kỵ khí cặn lắng. Kết cấu điển hình của bể tự hoại 03 ngăn như sau:



Hình 1. Cấu tạo bể tự hoại 03 ngăn xử lý nước thải sinh hoạt

A: Ngăn tự hoại (ngăn thứ nhất);

B: Ngăn lắng (ngăn thứ hai);

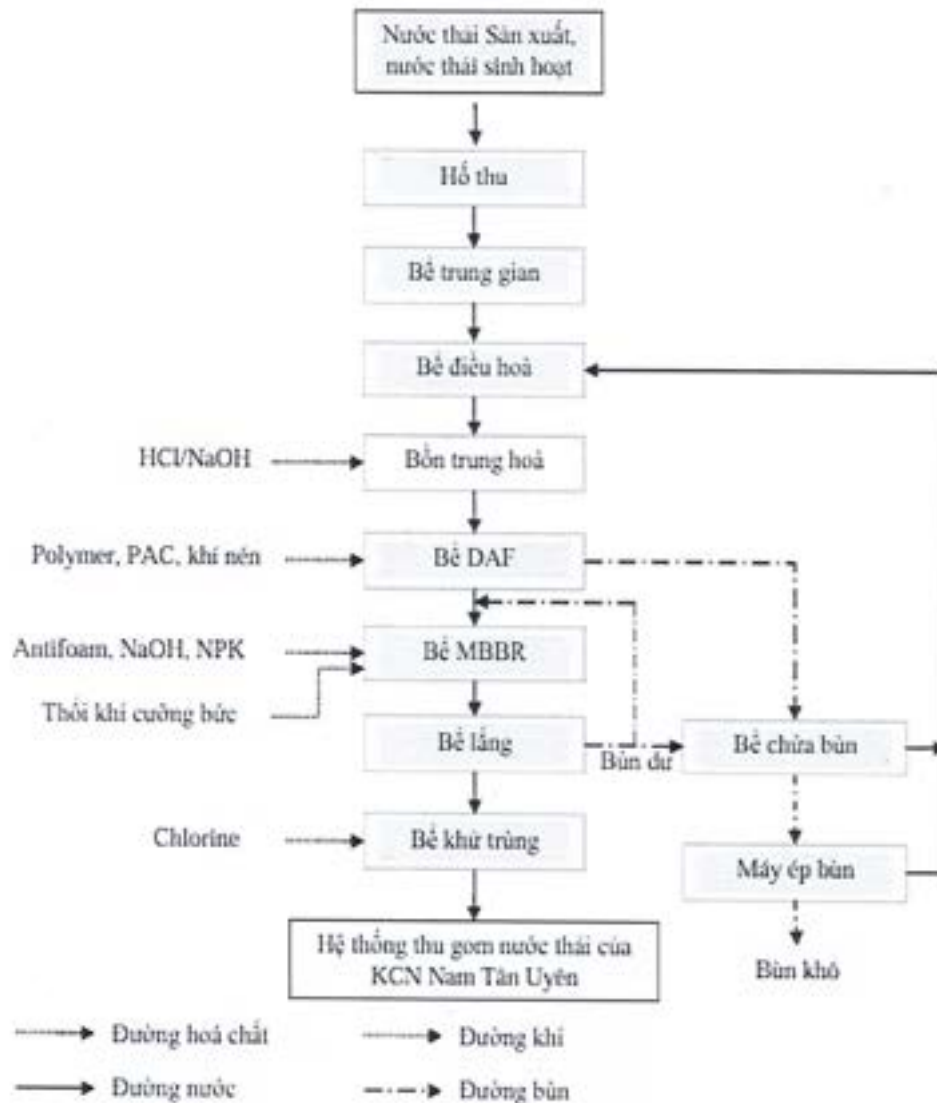
C: Ngăn lọc (ngăn thứ ba).

➤ Thuyết minh quy trình:

Lượng nước thải sinh hoạt được xử lý qua bể tự hoại. Chất ô nhiễm được phân hủy bởi vi sinh vật kỵ khí. Bể tự hoại có 03 ngăn, ngăn đầu tiên có chức năng tách cặn ra khỏi nước thải. Cặn lắng ở dưới đáy bể được hút ra theo định kỳ để đưa đi xử lý. Nước thải và cặn lơ lửng theo dòng chảy sang ngăn thứ hai. Ở ngăn này, cặn tiếp tục lắng xuống đáy, nước được vi sinh yếm khí phân hủy, làm sạch các chất hữu cơ trong nước. Sau đó, nước chảy sang ngăn thứ ba để lọc toàn bộ sinh khối cũng như cặn lơ lửng. Nước thải sau khi ra khỏi bể tự hoại được thoát ra ngoài qua cống chung tại khu vực.

❖ **Nước thải sản xuất**

Nước thải sản xuất của công ty được xử lý bằng quá trình xử lý hoá lý kết hợp với xử lý sinh học. Nước thải sau xử lý đạt loại B QCVN 40:2011/BTNMT rồi xả vào cống thu gom nước thải của KCN Nam Tân Uyên. Quy trình xử lý được mô tả như sau:



Hình 2. Quy trình xử lý nước thải của Công ty

➤ **Thuyết minh quy trình xử lý nước thải:**

Nước thải từ hồ thu đã được điều chỉnh pH bằng tay, sau đó bơm vào bể trung gian. Khi mực nước ở bể trung gian ngập phao thì bật bơm thải từ bể trung gian được bơm vào bể điều hòa nhằm để điều hòa nồng độ và lưu lượng. Nước từ bể điều hòa được bơm vào bồn trung hòa, ở đây có 2 bơm định lượng NaOH và HCl nhằm để cân bằng pH (bằng đầu dò pH tự động). Khi pH đã tối ưu thì bơm sẽ bơm nước thải lên bể tuyển nổi (DAF). Bơm định lượng PAC và bơm định lượng polymer (cartion) được châm vào đường ống để bơm lên bể tuyển nổi để keo tụ tạo bông. Sau đó nước thải sẽ từ chảy tràn vào bể hiếu khí

MBBR, bùn được tạo ra từ quá trình xử lý hóa lý được chuyển ra bể chứa bùn bằng cánh gạt bọt. Tại bể hiếu khí sẽ được điều chỉnh pH bằng NaOH và HCl sao cho pH ở khoảng 7 – 7.5, được cấp khí vào bể MBBR, sao cho lượng DO = 2 – 3,5 mg/l, đồng thời cung cấp dinh dưỡng (NPK) bằng bơm định lượng cho bể hiếu khí (MBBR) để nuôi vi sinh hiếu khí; nếu tại bể hiếu khí có chứa nhiều bọt, thì bổ sung thêm antifoam để phá bọt bằng bơm định lượng. Sau đó nước sẽ được chảy tràn vào bể lắng. Tại bể lắng, bùn sẽ được xả về bể chứa bùn, 1 phần bùn sẽ được bơm tuần hoàn về bể hiếu khí. Nước sau khi lắng sẽ được chảy tràn vào bể khử trùng, trên đường ống về bể khử trùng, sẽ được châm 1 lượng chlorine nhất định vào để khử trùng. Sau cùng nước thải sẽ được chảy về hệ thống xử lý tập trung của KCN Nam Tân Uyên, đạt cột B của QCVN 40: 2011/BTNMT. Bùn tại bể chứa bùn sẽ được bơm lên bồn chứa, cung cấp polymer vào, bật mô tơ khuấy và bơm vào máy ép bùn bằng bơm màng, rồi tiến hành ép bùn (máy ép bùn dạng khung bản), bùn khô được giao cho đơn vị có chức năng xử lý chất thải nguy hại.

Tổng lưu lượng phát sinh nước thải cơ sở năm 2024 là 22,35 m³/ngày đêm. Tổng lưu lượng phát sinh nước thải cơ sở năm 2025 là 22 m³/ngày đêm.

Tổng lưu lượng trong báo cáo đánh giá tác động môi trường là 25 m³/ngày đêm.

Nước thải sau khi xử lý sơ bộ tại Nhà máy sẽ chảy vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Nam Tân Uyên đảm bảo không vượt quá điều kiện tiếp nhận nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Nam Tân Uyên.

1.2. Kết quả quan trắc nước thải

1.2.1. Quan trắc định kỳ nước thải

- Thời gian quan trắc:

Bảng 1. Danh sách các đợt quan trắc định kỳ năm 2025

Đợt quan trắc	Ngày quan trắc
Đợt 1	28/03/2025
Đợt 2	06/06/2025
Đợt 3	17/09/2025
Đợt 4	11/12/2025

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

- Vị trí các điểm quan trắc: Đầu ra hệ thống xử lý nước

Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2025

- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 01 khu vực, 04 mẫu
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng QCVN:
- + QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp
- Đơn vị thực hiện quan trắc: Công ty TNHH E.U.C; Số Vimecerts: VIMCERTS 261
- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc vượt quy chuẩn (nếu có): Không có

Bảng 2. Thông số quan trắc nước thải

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm
1.	pH		TCVN 6492: 2011
2.	TSS	mg/L	SMEWW 2540D:2017
3.	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2008
4.	COD	mg/L	SMEWW 5220.C:2017
5.	TN	mg/L	TCVN 6638:2000
6.	TP	mg/L	SMEWW 4500- P.B&E:2017
7.	NH ₄ ⁺ -N	mg/L	TCVN 5988:1995
8.	Dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017
9.	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	SMEWW 5540 B&C:2017
10.	Coliform	MPN/ 100 ml	SMEWW 9221B: 2017

Bảng 3. Kết quả quan trắc nước thải

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm				QCVN 40: 2011/BTNMT CỘT B
			NT – Đợt 1	NT – Đợt 2	NT – Đợt 3	NT – Đợt 4	
1.	pH		7,66	7,36	7,44	7,03	5,5-9
2.	TSS	mg/L	KPH	23	30	33	100
3.	BOD ₅	mg/L	4	29	23	30	50
4.	COD	mg/L	11	77	94	72	150
5.	TN	mg/L	34,5	29,42	17,5	12,1	40
6.	TP	mg/L	0,107	KPH	KPH	KPH	6
7.	NH ₄ ⁺ -N	mg/L	KPH	23,48	3,01	KPH	10
8.	Dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH	4,2	3,6	KPH	10
9.	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	0,088	0,134	0,070	0,161	-

10.	Coliform	MPN/ 100 ml	170	400	KPH	130	5.000
-----	----------	----------------	-----	-----	-----	-----	-------

Bảng 4. Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc vượt quy chuẩn

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Chỉ tiêu quan trắc vượt QCVN	Kết quả quan trắc	QCVN 40: 2011/BTNM T CỘT B
				Kinh độ	Vĩ độ			
1	Khu vực 1							
1.1	Đầu ra hệ thống xử lý nước	NT – Đợt 1	28/03/2025	--	--	Không có	Đạt	-
1.2		NT – Đợt 2	06/06/2025			NH ₄ ⁺ -N	23,48 (*)	10
			09/06/2025			NH ₄ ⁺ -N	Đạt	
1.3		NT – Đợt 3	17/09/2025			Không có	Đạt	-
1.4		NT – Đợt 4	11/12/2025			Không có	Đạt	-

Ghi chú: (*) Trong quý 2 sau khi chỉ số NH₄ vượt, công ty đã xử lý đạt và vào ngày 9/6 đã tiếp đoàn thanh tra môi trường và lấy mẫu cho kết quả đạt (có phiếu kết quả kèm biên bản kiểm tra từ thanh tra chi cục môi trường, kết quả đính kèm phụ lục)

2. Về công trình bảo vệ môi trường đối với khí thải

2.1. Xử lý khí thải

❖ Bụi:

– Bụi phát sinh từ quá trình vận chuyển của các phương tiện trong nhà máy, quá trình xuất nhập nguyên liệu, sản phẩm. Đây là nguồn phân tán, phát sinh không liên tục và tải lượng sinh ra không lớn nên mức độ tác động của nguồn ô nhiễm này đến môi trường không lớn;

– Bụi phát sinh từ quá trình sửa chữa xung quanh nhà máy, gió tự nhiên thổi từ bên ngoài vào nhà máy, nhưng đây cũng là nguồn không liên tục và tải lượng sinh ra không lớn nên mức độ tác động của nguồn ô nhiễm này đến môi trường cũng không lớn;

– Bụi phát sinh từ xây dựng kho bao bì và hóa chất của Công ty;

– Bụi phát sinh từ công trình của nhà xưởng bên cạnh nhà máy.

❖ Vi khí hậu và tiếng ồn

– Tiếng ồn phát sinh từ quá trình phối trộn nguyên liệu, bơm nguyên liệu, quá trình sản xuất, máy nén khí. Ngoài ra tiếng ồn còn phát sinh từ các phương tiện giao thông. Tiếng ồn còn phát sinh từ việc bảo trì, sửa chữa hằng ngày;

– Tiếng ồn phát sinh từ các hoạt động xây dựng kho bao bì và hóa chất của Công ty;

– Trong quá trình sản xuất chỉ có bồn đun nước nóng, bồn water bath và máy co hàng là nơi sinh nhiệt;

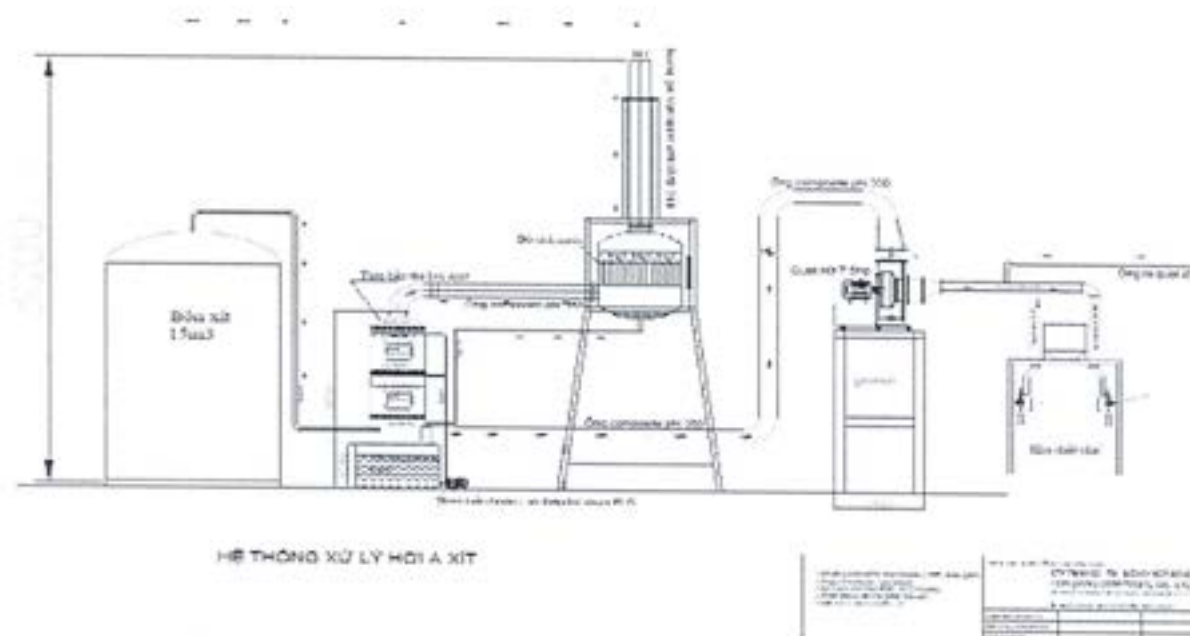
– Nhiệt độ trong nhà xưởng cao là do nhiệt độ ngoài trời ảnh hưởng đến điều kiện vi khí hậu trong nhà xưởng.

2.1.2. Khí thải tại nguồn

➤ Nguồn phát sinh

Ô nhiễm hơi axit (HCl) tại công ty chủ yếu từ dây chuyền tẩy rửa nhà tắm, khu bồn chứa axit và khu vực đóng gói amiphot.

❖ Sơ đồ công nghệ của hệ thống hấp thụ hơi axit



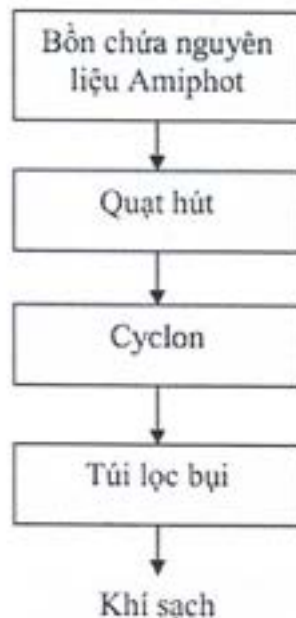
Hình 3. Sơ đồ công nghệ hệ thống hấp thụ hơi axit

Khí thải phát sinh từ khu vực chiết nước rửa nhà tắm, đóng nút vận nắp và 2 bồn khuấy nước rửa nhà tắm được hút bởi quạt ly tâm, công suất quạt là 7.5 Hp, lượng khí thải được đưa thổi đến tháp hấp thụ, bằng đường ống composite. Ngoài ra hơi axit tại bồn chứa HCl được thoát ra qua đường ống PVC, đường kính 60 mm, tới ống composite 350 mm tại điểm co lồi, được quạt thổi vào tháp hấp thụ hơi axit. Tại tháp hấp thụ dùng 01 bơm tuần hoàn – vỏ thép lót nhựa FLO, dung dịch trong bồn chứa NaOH có pH > 8, NaOH được châm bằng tay và kiểm tra hằng ngày, tháp hấp thụ hơi axit theo dạng phun sương qua các đầu béc. Để trung hòa lượng hơi axit được thổi vào, có công thức như sau:



Lượng khí thải đã được hấp thụ sẽ được dẫn qua bộ tách nước, khí sạch được thoát ra ngoài môi trường qua đường ống composite, nước được tách tại bộ tách nước được dẫn về bồn chứa NaOH của tháp hấp thụ. Hệ thống được vận hành bằng tay khi cấp NaOH vào bồn chứa, cứ sau 7-10 ngày làm việc, xả nước trong bồn ra xúc rửa bồn và châm NaOH vào bồn chứa. Kiểm tra nồng độ pH trong bồn NaOH hằng ngày bằng quỳ tím.

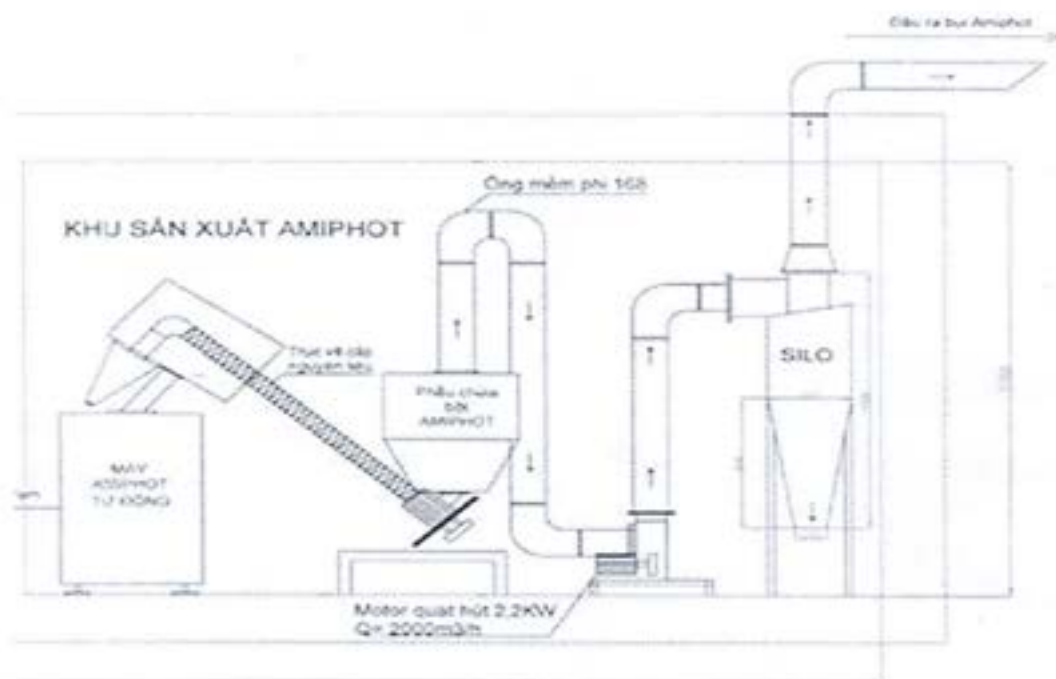
❖ Quy trình công nghệ xử lý bụi của dây chuyền sản xuất Amiphot



Hình 4. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý bụi của dây chuyền sản xuất Amiphot

❖ **Thuyết minh quy trình công nghệ xử lý bụi của dây chuyền sản xuất Amiphot**

Bụi phát sinh từ dây chuyền sản xuất Amiphot tại bồn chứa nguyên liệu Amiphot, được quạt hút vào Cyclon và bụi được chứa tại túi lọc bụi và khí thải sạch được thoát ra ngoài. Khi túi lọc bụi ra đầy thì công nhân tháo ra vệ sinh và bột amiphot được tái sử dụng.



Hình 5. Bản vẽ công nghệ hệ thống xử lý bụi của dây chuyền sản xuất Amiphot

2.2. Kết quả quan trắc khí thải:

Công ty không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ khí thải

2.3. Quan trắc khí thải liên tục, tự động: Không có

3. Về quản lý chất thải rắn

3.1. Chất thải rắn sinh hoạt

Công ty đã ký hợp đồng thu gom rác sinh hoạt với Công ty CP KCN Nam Tân Uyên hợp đồng số: 001-RSH/HĐ-KT/2024 với tần suất thu gom 3 lần/tuần, tần suất thu gom và ngày cụ thể có thể thay đổi cho phù hợp với lượng rác phát sinh thực tế (Trừ ngày lễ và ngày Tết)

Bảng 5. Thống kê chất thải rắn sinh hoạt

TT	Nhóm CTRSH	Khối lượng (tấn/năm 2025)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Khối lượng (tấn/năm 2024)
1	Chất thải sinh hoạt	7,08	Công ty CP KCN Nam Tân Uyên hợp đồng số: 001- RSH/HĐ-KT/2024	6
Tổng khối lượng		7,08		6

3.2. Chất thải rắn công nghiệp

Công ty đã ký hợp đồng thu gom rác công nghiệp với Công Ty TNHH MTV Môi Trường Xanh Huê Phương VN hợp đồng số: HP181/24/HĐXLBD-EC với tần suất thu gom tùy theo tình hình kinh doanh của công ty mà tần suất thu gom có thể thay đổi (Trừ ngày lễ và ngày Tết).

Bảng 6. Thống kê chất thải rắn công nghiệp thông thường

TT	Nhóm CTCNTT	Khối lượng (tấn/năm 2025)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTCNTT	Khối lượng (tấn/năm 2024)
1	Chất thải công nghiệp thông thường (Rác xà bần, nhựa cứng k tái chế, gỗ vụn, nhựa vụn, pallet gỗ hỏng)	35,293	Công Ty TNHH MTV Môi Trường Xanh Huê Phương VN hợp đồng số: HP181/24/HĐXLBD- EC	37,908
Tổng khối lượng		35,293		37,908

4. Chất thải nguy hại

Công ty đã ký hợp đồng thu gom rác nguy hại với Công Ty TNHH MTV Môi Trường Xanh Huê Phương VN hợp đồng số: HP181/24/HĐXLBD-EC với tần suất thu gom tùy theo tình hình kinh doanh của công ty mà tần suất thu gom có thể thay đổi (Trừ ngày lễ và ngày Tết).

Bảng 7. Thống kê khối lượng rác nguy hại năm 2025

TT	Nhóm CTNH	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm 2025)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Số lượng (kg/năm 2024)
1	Bao bì thải mềm	18 01 01	640	Ty TNHH MTV Môi Trường Xanh Huế Phương VN hợp đồng số: HP181/24/HĐXLBD-EC	1.041
2	Hóa chất phòng thí nghiệm	19 05 02	2.626		8.130
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	1		0
4	Bóng đèn led thải	16 01 13	102		37
5	Giẻ lau dính nhớt, hóa chất	18 02 01	1.235		981
6	Dầu nhớt động cơ thải	17 02 02	153		106
7	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 05	33.517		22.755
8	Bao bì thải cứng bằng kim loại	18 01 02	24.954,5		33.526
9	Bao bì thải cứng bằng nhựa	18 01 03	33.638		35.176
10	Hộp mực in thải	08 02 04	8		31
11	Các loại chất hấp thụ đã qua sử dụng, hạt lọc gas	03 06 07	2.502		3.678
12	Ac quy chì thải	19 06 01	1.424		0
13	Nước thải Chứa TPNH	16 01 13	157.160		215.112
14	Rác công nghiệp		29.643		-
Tổng số lượng			287.603,5		320.573

5. Về quản lý chất thải y tế: Không có

6. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường

a. Biện pháp phòng chống cháy nổ

Các biện pháp phòng chống và ứng phó sự cố cháy nổ:

Cháy nổ có thể xảy ra từ rất nhiều nguyên nhân, để phòng tránh sự cố cháy nổ, Công ty sẽ tiến hành thực hiện một số biện pháp sau:

- Thiết lập các biển báo nguy hiểm tại các khu vực bảo quản và sử dụng hóa chất;
- Bố trí người thủ kho hóa chất đã được huấn luyện về an toàn hóa chất;
- Cách ly với các nguồn nhiệt, khí nóng, lửa hoặc điện đối với tất cả các loại dung môi và nguyên liệu dễ cháy;

- Bố trí các lối thoát hiểm phòng ngừa sự cố cháy nổ xảy ra;
- Cơ sở sẽ được thiết kế hệ thống PCCC về mặt kiến trúc công trình xây dựng và các hạng mục kỹ thuật cấp nước chữa cháy, chống sét theo đúng yêu cầu và quy định của các cơ quan quản lý chức năng;

- Hệ thống cấp nước chữa cháy luôn được đảm bảo, hệ thống máy bơm chữa cháy sẽ lắp đặt đúng theo thiết kế kỹ thuật được duyệt. Xây dựng bể nước dự trữ chữa cháy, trang bị thêm dụng cụ chữa cháy xách tay để chủ động ứng cứu sự cố. Bể chứa nước cứu hỏa phải luôn luôn đầy nước, đường ống dẫn nước cứu hỏa đến các họng lấy nước cứu hỏa phải luôn luôn ở trong tình trạng sẵn sàng làm việc;

- Đường nội bộ đảm bảo phương tiện cứu hỏa đến được tất cả các vị trí nhỏ nhất trong từng khu vực của Cơ sở, đảm bảo tia nước phun từ vòi rồng của xe cứu hỏa có thể khống chế được lửa phát sinh ở bất kỳ vị trí nào trong các kho, xưởng. Kho cũng được bố trí cửa thông gió và tường cách ly để tránh tình trạng cháy lan theo tường hoặc theo mái;

- Đối với các loại nhiên liệu dễ cháy phải được bảo quản nơi thoáng mát, có khoảng cách ly hợp lý để ngăn chặn sự cháy tràn lan khi có sự cố. Định kỳ kiểm tra các dụng cụ chứa, lượng lưu trữ phải có giới hạn;

- Sắp xếp bố trí các máy móc thiết bị đảm bảo trật tự, gọn và khoảng cách an toàn;
- Tất cả các hạng mục công trình trong cơ sở đều được bố trí các vật liệu cứu hỏa, bao gồm bình CO₂ và bình bột vật dập lửa và các vật liệu khác như cát, thang chữa cháy.

Những vật liệu này được đặt tại các vị trí thích hợp nhất để tiện việc sử dụng và thường xuyên tiến hành kiểm tra sự hoạt động tốt của bình CO₂ và bình bột.

b. Phòng cháy các thiết bị điện như sau:

- Dụng cụ điện, thiết bị điện đều phải là loại an toàn cháy, nổ;
- Cầu dao, cầu chì, ổ cắm điện phải đặt ở ngoài khu vực chứa các hóa chất dễ cháy, nổ;
- Thực hiện đo điện trở định kỳ đối với hệ thống thu lôi, chống sét;
- Các thiết bị điện phải tính toán dây dẫn có tiết diện hợp lý với cường độ dòng điện, phải có thiết bị bảo vệ quá tải. Dây điện phải đi ngầm hoặc được bảo vệ kỹ;
- Các motor điện đều phải có hộp che chắn bảo vệ, bảo đảm không cho bụi, giấy rơi vào;
- Thường xuyên kiểm tra hệ thống đường dây điện, hộp cầu dao phải kín, cầu dao tiếp điện tốt;
- Lắp đặt hệ thống chống sét đánh thẳng, chống sét lan truyền.
- Khi nối dây điện phải đảm bảo không rò rỉ điện, chập điện, sử dụng các đầu có đầu nối vào cầu dao điện, dùng phích cắm,...
- Đảm bảo các trang thiết bị, máy móc không để rò rỉ dầu mỡ.
- Một vấn đề khác rất quan trọng là sẽ tổ chức ý thức phòng cháy chữa cháy tốt cho toàn bộ nhân viên trong cơ sở. Việc tổ chức này đặc biệt chú ý đến các nội dung sau:
 - + Tổ chức học tập nghiệp vụ; tất cả các khu vực dễ cháy đều có tổ nhân viên kiêm nhiệm công tác phòng hỏa. Các nhân viên này được tuyển chọn, được huấn luyện, thường xuyên kiểm tra.
 - + Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục ý thức phòng cháy chữa cháy cho cán bộ nhân viên viên. Huấn luyện cho toàn thể cán bộ nhân viên viên các biện pháp phòng cháy chữa cháy khi có sự cố xảy ra. Lắp đặt các tiêu lệnh PCCC tại những vị trí dễ nhìn.

c. An toàn lao động:

An toàn lao động là mục tiêu hàng đầu trong các hoạt động của Cơ sở. Vì vậy, để đảm bảo thực hiện tốt nhất về an toàn lao động, ngoài các phương pháp khống chế ô nhiễm để giảm tác động tiêu cực đến sức khỏe của người nhân viên, chủ đầu tư còn áp dụng thêm những biện pháp sau:

- Có chương trình kiểm tra sức khỏe định kỳ cho người nhân viên.

- Cung cấp định kỳ các thiết bị bảo hộ lao động: mũ, găng tay, ủng, nút tai chống ồn, mặt nạ phòng độc, kính bảo hộ, áo bảo hộ, khẩu trang phòng độc,... Ở những khu vực cần thiết cần trang bị thêm quạt thông gió để làm thoáng và mát cục bộ. Các điều kiện về ánh sáng, tốc độ gió và tiếng ồn cần được tuân thủ chặt chẽ.

- Thiết lập trạm y tế cấp cứu để giải quyết sơ cứu tại chỗ khi có xảy ra tai nạn lao động.

- Các dụng cụ và thiết bị cũng như những địa chỉ cần thiết liên hệ khi xảy ra sự cố cần được trang bị và cập nhật như tủ thuốc, dụng cụ rửa mắt, điện thoại cấp cứu, cứu hỏa v.v...

- Công ty sẽ thực hiện đo đạc các thông số môi trường theo đúng chương trình giám sát môi trường được duyệt để xác định những vị trí có chất lượng môi trường không đạt chuẩn, trên cơ sở đó có biện pháp cải thiện hợp lý nhằm đảm bảo chất lượng môi trường lao động đạt chuẩn yêu cầu.

- Thực hiện các báo cáo an toàn lao động đúng quy định.

6.2. Ứng phó và khắc phục sự cố môi trường xảy ra tại cơ sở.

- Phòng cháy các thiết bị điện

Các biện pháp ứng phó với sự cố cháy nổ như sau:

- Thành lập Ban chỉ huy PCCC.

- Báo thông tin cháy nổ cho lực lượng PCCC chuyên nghiệp (Gọi 114)

- Treo cảnh báo cấm người qua lại và cử người đón xe chữa cháy đến.

- Báo cáo tình hình chữa cháy cho Trưởng Ban, lực lượng chữa cháy và nguồn nước chữa cháy.

- Tổ chữa cháy do Trưởng Phòng kỹ thuật đảm nhiệm Tổ Trưởng và các Tổ viên là Trưởng ca, có trách nhiệm:

- Sử dụng các phương tiện chữa cháy tại chỗ để dập lửa;

- Tổ chức cứu nạn và đưa người bị nạn ra khỏi hiện trường, sơ cứu tại chỗ và gọi cấp cứu theo số (115) hoặc chuyển đến Trung tâm y tế gần nhất.

- Di chuyển tài sản khỏi đám cháy.

- Đội PCCC chuyên nghiệp có trách nhiệm tổ chức đội hình chữa cháy, nếu thấy tình hình diễn biến phức tạp phải huy động thêm lực lượng. Đồng thời lực lượng PCCC chuyên

ng nghiệp có trách nhiệm làm mát khu vực thoát hiểm để, tổ chức trình sát số lượng và vị trí người còn kẹt lại trong đám cháy để tìm biện pháp tiếp cận nhanh nhất.

* Các biện pháp ứng phó với tai nạn lao động:

- Khi xảy ra sự cố tai nạn lao động, Giám đốc cơ sở là người trực tiếp chỉ đạo công ty thực hiện các bước khắc phục như sau:

+ Nhanh chóng chuyển người bị nạn đến khu vực thông thoáng để sơ cứu hoặc chuyển đến cơ sở y tế gần nhất hoặc gọi số 115.

+ Ngay lập tức ngừng thi công, ngừng vận hành máy và yêu cầu mọi người ra khỏi khu vực bị sự cố.

+ Dán băng cảnh báo khu vực cấm vào để những người không có trách nhiệm không được vào.

+ Xác định nguyên nhân xảy ra tai nạn và đưa ra hướng khắc phục.

7. Về báo cáo quản lý các chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy: Không có

8. Kết quả khắc phục các yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có):

Trong năm 2025 cơ sở đã tiếp Cục Môi trường về kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với cơ sở.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT;

CHỦ CƠ SỞ 
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu) 


TỔNG GIÁM ĐỐC
YAMAUCHI YUTAKA

PHỤ LỤC

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3700728495

Đăng ký lần đầu: ngày 28 tháng 07 năm 2006

Đăng ký thay đổi lần thứ: 17, ngày 09 tháng 08 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN EARTH CORPORATION VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: EARTH CORPORATION VIETNAM CO.,LTD

Tên công ty viết tắt: EARTH CORPORATION VIETNAM

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô C6 đường N3, Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, Phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028 6256 0710

Số Fax:

Thư điện tử:

Website:

3. Vốn điều lệ : 15.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Mười lăm tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: EARTH CHEMICAL CO.;LTD

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 0100-01-009832

Ngày cấp: 26/08/1925 Nơi cấp: Nhật Bản

Địa chỉ trụ sở chính: Số 12-1 Kanda-Tsukasamachi 2-chome, Chiyoda-ku, Tokyo, Nhật Bản

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: YAMAUCHI YUTAKA

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 05/06/1976

Quốc tịch: Nhật Bản

Hộ chiếu nước ngoài: TT2506309

Ngày cấp: 12/09/2022

Nơi cấp: Bộ ngoại giao Nhật Bản

Chức danh: Chủ tịch Công ty kiêm Tổng Giám Đốc

Địa chỉ liên lạc: Lux – 6 45.02 Vinhomes Golden River, 02 Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam



SỞ TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 08 năm 2025

Số:



583637/25

GIẤY XÁC NHẬN

Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH: Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ trụ sở: 90G đường Trần Quốc Toàn, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028.38.293.179

Số Fax:

Thư điện tử: Website:

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN EARTH CORPORATION VIỆT NAM

Mã số doanh nghiệp: 3700728495

Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến cơ quan đăng ký kinh doanh.

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:



Người đại diện theo ủy quyền

STT	Chủ sở hữu/Cổ đông là tổ chức nước ngoài	Tên người đại diện theo ủy quyền	Quốc tịch của người đại diện theo ủy quyền	Địa chỉ liên lạc	Số định danh cá nhân/Số Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài	Vốn được ủy quyền		
						Tổng giá trị vốn được đại diện (VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm đại diện phản vốn
1	EARTH CHEMICAL CO.;LTD	YAMAUCHI YUTAKA	Nhật Bản	Lux – 6 45.02 Vinhomes Golden River, 02 Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	TT2506309	15000000 000%	100,000 %	04/12/20 23

Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): YAMAUCHI YUTAKA Điện thoại: 028 6256 0710
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: LÊ VĂN ĐÔNG Điện thoại: 0903964164
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế: Tầng 18, Tòa nhà Viettel, Số 285 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Hòa Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam Điện thoại: 028 6256 0710 Fax: Email: dong.lv@earth-vn.com
4	Hình thức hạch toán: Hạch toán độc lập
5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày 1/1 đến ngày 31/12
6	Tổng số lao động: 200

Nơi nhận:

- CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
EARTH CORPORATION VIỆT NAM.
Địa chỉ: Lô C6 đường N3, Khu công
nghiệp Nam Tân Uyên, Phường Tân Hiệp,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

- Lưu: NGUYỄN ĐẶNG THANH
NHẬT.....

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Phan Thị Ngọc Hiền



UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
BAN QUẢN LÝ CÁC KCN
BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 2110260037

Chứng nhận lần đầu : Ngày 25 tháng 10 năm 2021

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý Khu công nghiệp và Khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 692/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Ban Quản lý Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore vào Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 07/2021/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương;

Căn cứ văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hồ sơ kèm theo do CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN EARTH CORPORATION VIỆT NAM nộp ngày 13 tháng 10 năm 2021,

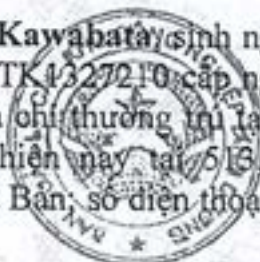
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH DƯƠNG

Nhà đầu tư:

EARTH CHEMICAL CO., LTD, Giấy phép thành lập số 0100-01-009832 do Sở Tư pháp Tokyo, Nhật Bản cấp ngày 26 tháng 8 năm 1925.

Địa chỉ trụ sở chính: 12-1 Kanda-Tsukasamachi 2-chome, Chiyoda-ku, Tokyo, Nhật Bản.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Katsunori Kawabata**, sinh ngày 15 tháng 9 năm 1971, quốc tịch Nhật Bản, hộ chiếu số TK4327210 cấp ngày 23 tháng 02 năm 2020 tại Bộ Ngoại giao Nhật Bản; địa chỉ thường trú tại 16-1, Kamikariya, Ako City, Hyogo, Nhật Bản; chỗ ở hiện nay tại 5-13, 8-33, Kitashinagawa 4-chome, Shinagawa-ku, Tokyo, Nhật Bản, số điện thoại: +81-



352077458; địa chỉ email: ec_fly01@earth-chem.co.jp, chức vụ: Chủ tịch kiêm Giám đốc đại diện.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: **NHÀ MÁY SẢN XUẤT CÔNG TY TNHH EARTH CORPORATION VIỆT NAM – CÔNG SUẤT 80.000 TẤN/NĂM**

2. Mục tiêu dự án: Sản xuất chất tẩy rửa; chất diệt côn trùng; thiết bị cho việc phun, làm phân tán chất lỏng hoặc bột; sản xuất máy hóa lỏng khí và gas; máy cung cấp gas; sản phẩm diệt muỗi, sản phẩm tạo mùi thơm.

STT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành	Mã ngành theo VSIC	Mã ngành CPC
1	Sản xuất chất tẩy rửa.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh.	2023	
2	Sản xuất chất diệt côn trùng.	Sản xuất hoá chất cơ bản.	2011	
3	Sản xuất máy hóa lỏng khí và gas; máy cung cấp gas.	Sản xuất máy thông dụng khác.	2819	
4	Sản xuất sản phẩm tạo mùi thơm.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu.	2029	

3. Quy mô dự án: Sản xuất chất tẩy rửa; chất diệt côn trùng; thiết bị cho việc phun, làm phân tán chất lỏng hoặc bột; sản xuất máy hóa lỏng khí và gas; máy cung cấp gas; sản phẩm diệt muỗi, sản phẩm tạo mùi thơm 80.000 tấn/năm.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Lô C6, đường D1, D3, khu công nghiệp Nam Tân Uyên, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

5. Diện tích mặt đất sử dụng: 14.000 m².

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 15.000.000.000 (mười lăm tỷ) đồng.

Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án là: 15.000.000.000 (mười lăm tỷ) đồng, chiếm tỷ lệ 100% tổng vốn đầu tư.

Giá trị, tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau:

Tên nhà đầu tư	Số vốn góp	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiền độ góp vốn đến
	Đồng			
EARTH CHEMICAL CO., LTD	15.000.000.000	100	Tiền mặt	Tháng 10/2021
Cộng	15.000.000.000	100		



7. Thời hạn hoạt động của dự án: Kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đến ngày 24 tháng 10 năm 2054.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

a) Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn:

- Tiến độ góp vốn: Tháng 10 năm 2021.

- Tiến độ huy động các nguồn vốn.

b) Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động chủ yếu của dự án đầu tư:

- Tiến độ lắp đặt máy móc, thiết bị: Tháng 12 năm 2021.

- Tiến độ đưa công trình vào hoạt động: Tháng 01 năm 2022.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

Dự án được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ như sau:

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi:

Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020.

Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế.

Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế.

- Đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi: Địa bàn khu công nghiệp.

- Các ưu đãi được hưởng:

Thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi:

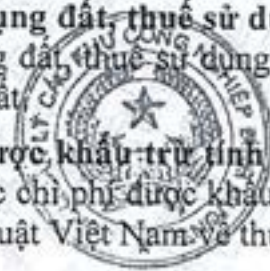
Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016.

Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020.

- Đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi: Địa bàn khu công nghiệp.

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất: Dự án được miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất theo các quy định của pháp luật Việt Nam về thuế nhà đất.

4. Ưu đãi khấu hao nhanh, tăng mức chi phí được khấu trừ tính thu nhập chịu thuế: Dự án được khấu hao nhanh, tăng mức chi phí được khấu trừ khi tính thu nhập chịu thuế theo các quy định của pháp luật Việt Nam về thuế.



5. Ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đặc biệt: Dự án được hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật về thuế.

Điều 3: Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án

1. Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án:

- Nhà đầu tư chịu trách nhiệm bảo đảm chất lượng máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ để thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.

- Trong quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư, nhà đầu tư có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, đất đai, bảo vệ môi trường, lao động, các nội dung quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, văn bản quyết định chủ trương đầu tư và quy định của pháp luật có liên quan.

- Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hằng tháng, hằng quý, hằng năm bằng văn bản và thông qua Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư cho Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương và Cục Thống kê tỉnh Bình Dương theo quy định của pháp luật.

- Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nhà đầu tư, tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư phải đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và bảo đảm đáp ứng đủ điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động đầu tư kinh doanh.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 2 (hai) bản gốc; nhà đầu tư được cấp 01 bản và 01 bản lưu tại Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.



TRƯỞNG BAN

Bùi Minh Trí

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 294 /GPMT-BTNMT

Hà Nội, ngày 09 tháng 11 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 01/GPMT ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Công ty TNHH Earth Corporation Việt Nam về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án "Nhà máy sản xuất Công ty TNHH Earth Corporation Việt Nam - Công suất 80.000 tấn/năm" và Văn bản số 02/GPMT ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Công ty TNHH Earth Corporation Việt Nam về việc chỉnh sửa bổ sung thêm thông tin trong báo cáo cấp giấy phép của dự án "Nhà máy sản xuất Công ty TNHH Earth Corporation Việt Nam - công suất 80.000 tấn/năm";

Theo đề nghị của Tổng cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Earth Corporation Việt Nam, địa chỉ tại Lô C6, Đường N3, Khu công nghiệp (KCN) Nam Tân Uyên, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư "Nhà máy sản xuất Công ty TNHH Earth Corporation Việt Nam - Công suất 80.000 tấn/năm" tại Lô C6, Đường N3, KCN Nam Tân Uyên, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất Công ty TNHH Earth Corporation Việt Nam - Công suất 80.000 tấn/năm.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô C6, Đường N3, KCN Nam Tân Uyên, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 2110260037 do Ban Quản lý các KCN Bình Dương cấp ngày 25 tháng 10 năm 2021.

1.4. Mã số thuế: 3700728495.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất chất tẩy rửa; chất diệt côn trùng; thiết bị cho việc phun, làm phân tán chất lỏng hoặc bột; sản xuất máy hóa lỏng khí và gas; máy cung cấp gas; sản phẩm diệt muỗi, sản phẩm tạo mùi thơm.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Tổng diện tích: 14.000 m².



- Quy mô: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).
- Công suất: 80.000 tấn/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

- 2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Earth Corporation Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty TNHH Earth Corporation Việt Nam có trách nhiệm:
 - 2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.
 - 2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.
 - 2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
 - 2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.
 - 2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm

(từ ngày 09 tháng 11 năm 2022 đến ngày 08 tháng 11 năm 2032).

Điều 4. Giao Tổng cục Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./

Nơi nhận:

- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Sở TN&MT tỉnh Bình Dương;
- Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- VP Tiếp nhận & TKQGQTTHC, Bộ TN&MT;
- Công ty TNHH Earth Corporation Việt Nam;
- Lưu: VT, TCMT, QLCT, Toàn (10).



Phụ lục 1

**NỘI DUNG CẤP PHIỆP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 294 /GPMT-BTNMT ngày 03 tháng 11 năm 2022
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHIỆP XẢ NƯỚC THẢI:

- Nước thải sau xử lý sơ bộ được đấu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp (KCN) Nam Tân Uyên.

- Đã ký Hợp đồng xử lý nước thải với Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Nam Tân Uyên (là chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Nam Tân Uyên và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Nam Tân Uyên).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

1.1.1. Các loại nước thải phát sinh, gồm:

- Nguồn số 01: Khu vực văn phòng phát sinh nước thải sinh hoạt (bao gồm: nước đen là nước qua bể tự hoại như nước từ bồn cầu, bồn tiểu; nước xám là nước không qua bể tự hoại như nước từ bồn rửa, vệ sinh sàn, tắm giặt).

- Nguồn số 02: Khu vực nhà vệ sinh của công nhân phát sinh nước thải sinh hoạt (bao gồm: nước đen, nước xám).

- Nguồn số 03: Hoạt động vệ sinh nhà xưởng.

- Nguồn số 04: Hệ thống xử lý khí thải tại tháp hấp thụ.

- Nguồn số 05: Hoạt động tráng bồn khi thay đổi sản phẩm trên cùng một dây chuyền.

- Nguồn số 06: Phòng thí nghiệm.

1.1.2. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Nước đen từ nguồn số 01 được thu gom, xử lý sơ bộ tại bể tự hoại sau đó được nhập cùng nước xám từ nguồn số 01 và tự chảy theo đường ống về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Nước đen từ nguồn số 02 được thu gom, xử lý sơ bộ tại bể tự hoại sau đó được nhập cùng nước xám từ nguồn số 02 và tự chảy về bể gom nước thải Nhà máy có thể tích khoảng 12 m³, sau đó được bơm qua đường ống về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Nước thải từ nguồn số 03, số 04, số 05 và số 06 được thu gom về bể gom nước thải Nhà máy có thể tích khoảng 12 m³, sau đó được bơm qua đường ống về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại 3 ngăn:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước đen → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Dung tích thiết kế: Bể tự hoại nguồn số 01 có thể tích khoảng 13 m³; bể tự hoại nguồn số 02 có thể tích khoảng 16 m³.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Hồ thu gom → Bể trung gian → Bể điều hòa → Bể trung hòa → Bể DAF → Bể MBBR → Bể lắng → Bể khử trùng → Hệ thống thu gom nước thải của KCN Nam Tân Uyên.

- Công suất thiết kế: 25m³/ngày.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: HCl, NaOH, Polymer, PAC, Antifoam, NPK, Clo.

- Vị trí đầu nối nước thải: Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Nam Tân Uyên.

- Tọa độ điểm đầu nối nước thải: X = 1222762; Y = 608508.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°00', múi chiều 3°).

- Lưu lượng đầu nối nước thải lớn nhất: 25 m³/ngày.

- Chất lượng nước thải đầu nối: Theo văn bản thỏa thuận với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Nam Tân Uyên.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Biện pháp phòng ngừa sự cố:

- Bảo trì thiết bị máy móc thường xuyên để tránh hỏng hóc máy móc;

- Bố trí cán bộ trực vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung; kiểm soát lưu lượng nước thải để hệ thống được vận hành ổn định;

- Chuẩn bị các bơm, thiết bị sục khí, thiết bị dự phòng khác nhằm thay thế ngay khi thiết bị hư hỏng.

1.4.2. Biện pháp ứng phó sự cố

Khi hệ thống xử lý nước thải tập trung gặp sự cố hư hỏng thiết bị làm ngưng hệ thống bộ phận vận hành sẽ phát còi báo khi có thiết bị gặp sự cố, luôn có sẵn thiết bị để thay thế kịp thời, các bể thu gom đủ sức chứa trong 24 giờ.

Trong trường hợp hệ thống bị sự cố, Nhà máy sẽ tạm ngưng các hoạt động sản xuất có phát sinh nước thải để khắc phục sự cố; đồng thời dừng việc thải nước thải chưa qua xử lý vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Nam Tân Uyên.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/ND-CP.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Không xả nước thải trực tiếp ra ngoài môi trường dưới mọi hình thức; chỉ được đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Nam Tân Uyên.

3.4. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom, đầu nối nước thải sau xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Nước thải ra từ hệ thống điều hòa là nước ngưng tụ từ hơi nước trong không khí, được thu gom vào hệ thống thu gom, thoát nước mưa của Nhà máy.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 294 /GPMT-BTNMT ngày 03 tháng 11 năm 2022
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Dây chuyền sản xuất nước tẩy rửa, vệ sinh nhà tắm (Line Liquid 1), phát sinh khí thải.

- Nguồn số 02: Dây chuyền sản xuất bột vệ sinh hầm cầu (Line Booder 1), phát sinh bụi thải.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Dòng thải số 01 (đối với nguồn số 01)

2.1.1. Vị trí xả khí thải: tọa độ: X = 1222768; Y = 608528

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°00', múi chiếu 3°).

2.2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 7.500 m³/h.

a) Phương thức xả khí thải: Liên tục (24 h).

b) Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B (hệ số K_p = 1,0 và K_v = 1,0), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	HCl	mg/Nm ³	50	Không thuộc đối tượng	

2.2. Dòng thải số 02 (đối với nguồn số 02)

2.2.1. Vị trí xả khí thải: Tọa độ: X = 1222806; Y = 608523 *(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°00', múi chiếu 3°).*

2.2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 2.000 m³/h.

a) Phương thức xả khí thải: Liên tục (24h).

b) Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B (hệ số K_p = 1,0 và K_v = 1,0), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	Không thuộc đối tượng	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: Được thu gom về hệ thống xử lý hơi axit và hóa chất.
- Nguồn số 02: Được thu gom về hệ thống xử lý bụi.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý hơi axit và hóa chất (nguồn số 01):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Quạt ly tâm → Tháp hấp thụ hơi axit → Ống thải.

- Công suất thiết kế: 7.500 m³/h.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, HCl.

1.2.2. Hệ thống xử lý bụi (nguồn số 02):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi → Quạt hút → Cyclon → Túi lọc bụi → Ống thải.
- Công suất thiết kế: 2.000 m³/h.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Các biện pháp phòng ngừa sự cố:

- Bảo trì thiết bị máy móc thường xuyên để tránh hỏng hóc máy móc;
- Bố trí cán bộ kiểm tra/thao dôi hằng ngày;
- Chuẩn bị thiết bị dự phòng (motor, bơm,...) để thay thế ngay khi thiết bị hư hỏng.

1.4.2. Các biện pháp ứng phó sự cố:

Trong trường hợp hệ thống xử lý khí thải bị sự cố, Nhà máy sẽ tạm ngưng các hoạt động sản xuất tại dây chuyền Line Liquid 1 hoặc dây chuyền Line Boder 1 để khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất sử dụng để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý khí thải.

3.3. Đối với các nguồn khí thải khác: Không phải kiểm soát, cụ thể:

- Khí thải từ dây chuyền sản xuất nước hoa xịt phòng, chế phẩm diệt côn trùng (Line gas) không phải kiểm soát do chỉ phát những loại khí thải: Butan (C_4H_{10}), Propan (C_3H_8), Permethrin ($C_{21}H_{20}Cl_2O_3$), Lemonicols G109 11907 ($C_{12}H_{22}O_2$, $C_{10}H_{20}O$, $C_9H_{14}O$, $C_{16}H_{28}O$, $C_8H_{10}O$, $C_{12}H_{16}O_2$, $C_8H_{10}O_2$, $C_{15}H_{20}O$, $C_9H_{18}O$, $C_{15}H_{28}O_2$, $C_{15}H_{26}O_4$, $C_{13}H_{20}O$, $C_{12}H_{13}N$, $C_{12}H_{24}O$, $C_{12}H_{10}O$, $C_{11}H_{20}O_2$, $C_{10}H_{12}O_2$, $C_{10}H_{16}$, $C_{13}H_{23}N$, $C_{10}H_{14}$), Isopropyl Alcohol (C_3H_8O), Lavender Zen ($C_{10}H_{20}O$, $C_{10}H_{18}O$, $C_{13}H_{18}O_2$, $C_{10}H_{16}O$, $C_{12}H_{16}O_3$, $C_{14}H_{20}O$, $C_9H_{10}O_2$, $C_{10}H_{18}O_3$, $C_9H_6O_2$, $C_{10}H_{12}O_2$, $C_{12}H_{20}O_2$, $C_{13}H_{20}O_2$, $C_{11}H_{12}O_3$, $C_{14}H_{24}O$, $C_9H_{14}O$, $C_{10}H_{20}O$, $C_9H_{10}O$, $C_{14}H_{22}O$, $C_8H_{10}O$), Imiprothrin 50% ($C_{17}H_{22}N_2O_4$), Transfluthrin 93% ($C_{15}H_{12}Cl_2F_4O_2$), Cypermethrin ($C_{22}H_{19}Cl_2NO_3$), d-TETRAMETHRIN ($C_{19}H_{25}NO_4$), Nikkol DID ($C_{12}H_{22}O_4$), Neo-chiozol (C_nH_{2n+2}). Công ty phải đảm bảo không phát sinh các thông số ô nhiễm được quy định tại QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;

- Khí thải từ quạt thông gió từ tại các xưởng sản xuất không phải kiểm soát do khí thải phát sinh có cùng tính chất với chất lượng không khí trong xưởng sản xuất. Chất lượng không khí trong xưởng sản xuất phải đảm bảo đáp ứng quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động;

- Khí thải từ máy phát điện dự phòng (lắp đặt tại khu vực riêng biệt bên ngoài nhà xưởng sản xuất) do sử dụng nhiên liệu là dầu DO, thuộc trường hợp không yêu cầu có hệ thống xử lý bụi, khí thải. Tuy nhiên, phải đảm bảo chỉ sử dụng dầu DO đạt tiêu chuẩn (nhiên liệu sạch) trong mọi trường hợp.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘNG RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 294 /GPMT-BTNMT ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘNG RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Dây chuyền sản xuất nước lau kính, lau bếp (Line Liquid 02).
- Nguồn số 02: Dây chuyền sản xuất nước lau sàn (Line Liquid 03).
- Nguồn số 03: Dây chuyền sản xuất nước hoa xịt phòng (Line Gas).
- Nguồn số 04: Dây chuyền sản xuất bột vệ sinh hầm cầu (Line Booder 01).
- Nguồn số 05: Máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

STT	Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung	Tọa độ đại diện (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°00' múi chiều 3°)
1	Nguồn số 01	X = 1222787; Y = 608529
2	Nguồn số 02	X = 1222795; Y = 608541
3	Nguồn số 03	X = 1222824; Y = 608624
4	Nguồn số 04	X = 1222805; Y = 608535
5	Nguồn số 05	X = 1222779; Y = 608549

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB(A))	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB(A))	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

- Trồng cây xanh xung quanh Nhà máy;
- Lắp đặt đệm cao su hoặc lò xo chống rung đối với các thiết bị gây rung có công suất lớn;
- Thường xuyên bôi trơn các hệ trục bánh răng của băng tải;
- Áp dụng các biện pháp bóc dỡ nguyên liệu và sản phẩm hợp lý, dùng các biện pháp sử dụng xe nâng để bóc dỡ;
- Máy phát điện dự phòng đặt tại phòng máy riêng, cách xa khu vực văn phòng;
- Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung, kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 294 /GPMT-BTNMT ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

TT	Chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Các loại chất hấp thụ đã qua sử dụng hoặc bã lọc khác	03 06 07	900
2	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải	03 06 08	9.000
3	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	60
4	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	60
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn gốc khoáng thải không cơ clo	17 02 02	240
6	Bao bì mềm (đã chứa chất khí thải ra là chất thải nguy hại) thải	18 01 01	2.160
7	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khí thải ra là chất thải nguy hại, hoặc chứa áp suất chưa đảm bảo rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	18 01 02	20.000
8	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khí thải ra là chất thải nguy hại) thải	18 01 03	32.000
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	1.260
10	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại	19 05 02	1.200
11	Ác quy chì thải	19 06 01	120

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh (không bao gồm các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường có ký hiệu phân loại là TT-R được quản lý như hàng hóa): Không có.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 2,6 tấn/tháng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có nắp dậy, có dán mã chất thải.

2.1.2. Kho lưu giữ trong nhà:

- Diện tích kho: Khoảng 13 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Có tường bao, nền chống thấm, mái che kín nắng, mưa; được thiết kế để hạn chế gió trực tiếp vào bên trong; có gờ chắn, có rãnh thu gom và hồ thu trong trường hợp xảy ra sự cố rò rỉ chất thải lỏng; có dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Nhà máy không bố trí thiết bị lưu chứa.

2.2.2. Kho lưu giữ trong nhà:

- Diện tích: Khoảng 67 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Có tường bao, nền chống thấm, mái che kín nắng, mưa, có phân khu vực lưu chứa các loại chất thải khác nhau.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Đã bố trí thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt có nắp dậy kín tại các vị trí phát sinh chất thải rắn sinh hoạt.

2.3.2. Khu vực lưu giữ ngoài trời: Các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt 250 lít được đặt cạnh kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường trong Nhà máy để tập kết chất thải rắn sinh hoạt.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/ND-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 294 /GPMT-BTNMT ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Đã hoàn thành các hạng mục, công trình sản xuất và các yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Quyết định số 2553/QĐ-BTNMT ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Nhà máy sản xuất Công ty TNHH Earth Corporation Việt Nam - công suất 80.000 tấn/năm" tại Lô C6, đường N3, KCN Nam Tân Uyên, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; không còn hạng mục, công trình sản xuất, bảo vệ môi trường cần tiếp tục đầu tư.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn công nghiệp thông thường (nếu có, trừ các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường có ký hiệu phân loại là TT-R); chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng theo quy định.

2. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định./.

BÁO CÁO DIỄN TẬP ĐỐI ỨNG TÌNH HUỐNG KHẨN CẤP

I. Kế hoạch diễn tập

- Nội dung: **Diễn tập ứng phó sự cố COD nước thải vượt ngưỡng**
- Thời gian: 13:00 ngày 10/09/2025
- Địa điểm: khu vực khu vực hệ thống XLNT
- Thành phần tham dự:

Stt	Họ và tên	Phòng ban/Khu vực	MSNV
A	Hoàng Minh Hùng	Kỹ thuật	
B	Nhân viên vận hành XLNT	Danh sách đính kèm	

Thành phần diễn tập:

STT	Họ và tên	Phòng ban/Khu vực	Vai trò diễn tập
1	Hoàng Minh Hùng	HSE	Chỉ đạo ứng phó
2	Phạm Thanh Luân	XLNT	Nhân viên vận hành XLNT
3	Lê Thanh Quan	XLNT	Nhân viên vận hành XLNT

- Thành phần đánh giá:

Stt	Tên	Phòng ban/ Khu vực	MSNV
1	Nguyễn Ngọc Phương	HSE	
2			

II. Chuẩn bị

- Bảo hộ lao động:

Mắt kiếng

Găng tay

Khẩu trang than hoạt tính

Ủng

Tạp dề

Nón bảo hộ

.....

III. Miêu tả tình huống (5W, 1H)

Vào lúc 13h00 ngày 10/09/2025, trong quá trình thực hiện công việc lấy mẫu nước thải đầu ra hàng ngày tại khu vực trước trạm XLNT, nhân viên môi trường phát hiện mẫu nước thải có màu sẫm hơn bình thường và có mùi khó chịu. Sau đó, mẫu nước được mang về phòng thí nghiệm nội bộ để phân tích nhanh các chỉ tiêu..

Kết quả đo nhanh tại chỗ:

- COD = 265 mg/L.
- Giới hạn cho phép theo QCVN 40:2011/BTNMT – Cột B: 150 mg/L.
- Nhận định sơ bộ: COD vượt ngưỡng 1.77 lần, có dấu hiệu bất thường cần kiểm tra và xử lý gấp trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

Nhân viên đo kiểm thông báo cho quản lý đồng thời kiểm soát khu vực nước thải, lập tức khoá van và kiểm tra ứng phó.

Hành động đối ứng:

Stt	Các bước thực hiện	Người thực hiện	Miêu tả hành động
1	Phát hiện sự cố	Nhân viên môi trường	Lấy mẫu nước thải, kiểm tra COD và phát hiện vượt ngưỡng quy chuẩn Cột B.
2	Báo cáo khẩn cấp	Nhân viên môi trường	Thông báo ngay cho quản lý môi trường và ban lãnh đạo nhà máy.
3	Ghi nhận và lưu mẫu	Nhân viên MT	Ghi nhật ký sự cố, lưu mẫu vi phạm để đối chiếu và xác minh nguyên nhân. (Găng tay, khẩu trang, ủng, giẻ lau, túi nylon đỏ đựng rác nguy hại).
4	Ngăn chặn sự lan rộng	Nhân viên môi trường Quản lý bộ phận XLNT	Khoá van xả , ngừng xả nước ra nguồn tiếp nhận, chuyển dòng về bể điều hòa hoặc tái xử lý.

5	Khảo sát hệ thống xử lý	Nhân viên môi trường Quản lý bộ phận XLNT	Kiểm tra máy bơm, máy thổi khí, nồng độ vi sinh, tải lượng đầu vào.
6	Xử lý khắc phục	Nhân viên môi trường Quản lý bộ phận XLNT	Tăng cường sục khí, bổ sung vi sinh, điều chỉnh lưu lượng đầu vào. Theo dõi liên tục 2h/lần
7	Theo dõi sau khắc phục	Nhân viên môi trường Quản lý bộ phận XLNT	Lấy mẫu liên tục theo chu kỳ 2 giờ/lần để giám sát hiệu quả xử lý. Đo kiểm khí chỉ số ổn định < 150mg/L và duy trì, báo cáo và tiến hành mở lại van xả khí đáp ứng chỉ số cho phép
8	Báo cáo	Quản lý bộ phận XLNT	Lập báo cáo sự cố, nêu rõ nguyên nhân, biện pháp gửi BOD

IV. Báo cáo kết quả

- Thời gian diễn tập: 13:00 – 15:00 ngày 10/09/2025
- Hình ảnh diễn tập: File đính kèm

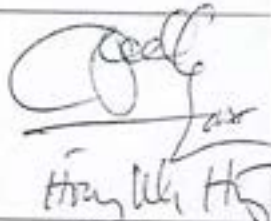
V. Đánh giá và nhận xét

Stt	Họ và tên	Nhận xét	Ghi chú
1	Hoàng Minh Hùng	Thực hiện tốt công tác ứng phó kịp thời với sự cố	
2			

VI. Hành động cải thiện

Stt	Điểm vấn đề	Hành động cải thiện	Chịu trách nhiệm	Thời hạn
1	Cách ứng phó khi sự cố xảy ra	Thường xuyên kiểm tra độ biến động bất thường của các chỉ số		

Xác nhận



Hoàng Minh Hùng

HỢP ĐỒNG

Về việc thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt

(Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của Người lao động)

Căn cứ Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005;

Căn cứ Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm;

Căn cứ chức năng và nhiệm vụ của Công ty CP KCN Nam Tân Uyên;

Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày 04 tháng 5 năm 2024, tại Văn phòng Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, chúng tôi gồm:

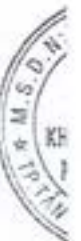
BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP NAM TÂN UYÊN

- Giấy CNĐKKD số : 3700621209 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp đăng ký thay đổi lần thứ 12: ngày 24/04/2023.
- Người đại diện : (Ông) HUỖNH HỮU TÍN; Chức vụ : Phó Tổng Giám Đốc
- Trụ sở chính : Đường ĐT 747B, Khu phố Long Bình, Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
- Số điện thoại : + 84 - 274 - 3652 330 Số fax : + 84 - 274 - 3652 325
- Số tài khoản :
 - 6500025047 (VND) tại Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương.
 - 0281000827918 (VND) tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương
- Mã số thuế : 3700621209

(Theo Nghị quyết số 57/NQ-HĐQT-NTC ngày 15/11/2023 của Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên về việc ủy quyền ký kết hợp đồng và ký các văn bản khác có liên quan).

BÊN B: CÔNG TY TNHH EARTH CORPORATION VIỆT NAM

- Địa chỉ thu gom: Lô C6 đường N3, Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, Phường Khánh Bình, Thành Phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
- Địa chỉ xuất hóa đơn: Lô C6 đường N3, Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, Phường Khánh Bình, Thành Phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
- Người đại diện: YAMAUCHI YUTAKA - Chức vụ: Tổng Giám Đốc.
- Điện thoại: 0274.3652641
- Email nhận hóa đơn điện tử
- Mã số thuế: 3700728495



Cùng thỏa thuận đi đến thống nhất ký kết hợp đồng thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt (sau đây gọi là rác sinh hoạt) với những điều khoản như sau:

Điều 1: Nội dung thỏa thuận

1.1 Bên B đồng ý giao cho bên A thu gom, xử lý rác sinh hoạt bao gồm:

- Rác sinh hoạt, phát sinh từ hoạt động của người lao động
 - Rác thải từ văn phòng không chứa thành phần nguy hại: tạp chí, báo, giấy, sách, vở các loại, ...
 - Rác thải từ nhà ăn: Thức ăn thừa; vỏ trái cây, vỏ lon, đồ hộp ...
 - Rác thải khác: lá cây, hoa cỏ
- Tình trạng rác sinh hoạt được chứa đựng trong thùng rác đúng tiêu chuẩn theo quy định với thể tích 240 lít (thùng rác do bên B tự trang bị); được đậy kín nắp, tránh rơi vãi ra khu vực xung quanh.

1.2 Thời gian, địa điểm giao nhận:

- Thời gian: Bên A sẽ thu gom rác sinh hoạt của bên B với tần suất 03 lần/tuần, tần suất thu gom và ngày cụ thể có thể thay đổi cho phù hợp với lượng rác phát sinh thực tế (trừ ngày Lễ và ngày Tết).
- Địa điểm: Tại vị trí tập trung rác gần khu vực cổng chính phía trong của bên B.

Điều 2: Khối lượng thu gom, phí thu gom và phương thức thanh toán

2.1 Khối lượng thu gom: Khối lượng thu gom được bên A tổng hợp vào cuối mỗi tháng và ký xác nhận gửi lại bên B để đối chiếu.

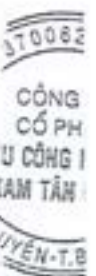
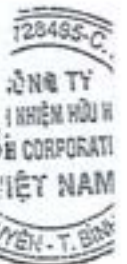
2.2 Phí thu gom: tính theo công thức sau

$$F = f + C$$

Trong đó:

- F: là tổng giá trị tiền phí thu gom rác sinh hoạt.
- f: là mức phí thu gom rác cố định 700.000đ/tháng cho tổng khối lượng trong tháng thấp hơn hoặc bằng 8 thùng (thùng tiêu chuẩn 240 lít).
- C: là chi phí biến đổi căn cứ theo số lượng thùng rác phát sinh (đơn giá phát sinh thêm được tính 120.000đ/thùng 240 lít).
- *Mức phí trên chưa bao gồm thuế GTGT.*
- *Phí này sẽ được điều chỉnh khi có sự điều chỉnh phí xử lý của Chi nhánh xử lý chất thải thuộc Công ty Cổ Phần Nước - Môi Trường Bình Dương. Việc điều chỉnh này (nếu có) thì bên A sẽ thông báo bằng văn bản cho bên B biết và thực hiện.*

2.3 Phương thức thanh toán: Bên B sẽ thanh toán cho bên A bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản (phí chuyển tiền do bên B chịu). Thời gian thanh toán chậm nhất là 15 ngày làm việc kể từ ngày bên B nhận được hóa đơn do bên A phát hành. Nếu trong thời gian 15 ngày bên B không thanh toán hết cho bên A thì bên A sẽ ngưng thu gom rác thải sinh hoạt của bên B.



Handwritten signature

Điều 3: Trách nhiệm các bên

3.1 Trách nhiệm của bên A:

- Đảm bảo việc thu gom, xử lý rác sinh hoạt đúng như Điều 1.
- Thông báo cho bên B nếu tần suất, thời gian thu gom rác sinh hoạt thay đổi.
- Giữ vệ sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển rác.
- Chịu trách nhiệm về việc thu gom, vận chuyển đúng quy định.

3.2 Trách nhiệm của bên B:

- Thực hiện đúng như Điều 1.
- Phân công nhân sự chịu trách nhiệm về số thùng rác phát sinh được chốt vào cuối mỗi tháng khi làm việc với bên A.
- Tạo điều kiện cho bên A thu gom rác sinh hoạt. Trong quá trình thu gom nếu bên A phát hiện bên B để lẫn Chất thải công nghiệp từ quá trình sản xuất hoặc Chất thải nguy hại vào thùng chứa rác sinh hoạt thì bên A không nhận thu gom thùng rác thải đó.
- Thanh toán phí thu gom rác sinh hoạt đúng như Điều 2 của Hợp đồng này.

Điều 4: Điều khoản chung

4.1 Hai bên có trách nhiệm thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.

4.2 Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác đôi bên cùng có lợi. Nếu không thỏa thuận được thì cùng đưa ra Tòa án Nhân dân có thẩm quyền để giải quyết theo pháp luật nước CHXHCN Việt Nam, bên thua kiện phải chịu toàn bộ chi phí liên quan đến trình tự tố tụng.

Điều 5: Hiệu lực của Hợp đồng

5.1 Hợp đồng này có giá trị kể từ ngày ký đến hết ngày 04/05/2026.

5.2 Sau khi thời hạn hợp đồng kết thúc, hoặc Bên B thông báo ngưng thu gom và xử lý thì hợp đồng này xem như được thanh lý.

5.3 Hợp đồng này được lập thành 03 (ba) bản bằng Tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 02 (hai) bản, bên B giữ 01 (một) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B



Huỳnh Hữu Tín



YAMAGUCHI YUTAKA

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
XANH HUÊ PHƯƠNG VN

HUE PHUONG VN グリーン環境一人有
限会社

Bến Rộng, Thạnh Đức, Gò Dầu, Tây Ninh
Tây Ninh 省、Go Dau 県、Thanh Duc 社、
Ben Rong 村

Số: HP181/24/HĐXLBD-EC

号: HP 181/24/HĐXLBD-EC

ベトナム社会主義共和国

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

独立・自由・幸福

Tây Ninh, ngày 11 tháng 11 năm 2024

Tây Ninh, 2024 年 11 月 11 日



HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ

サービス契約

(V/v: Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại & thu mua phế liệu)

(有害廃棄物の収集、運搬、処理&スクラップ買取)

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;
- ベトナム社会主義共和国の 2015 年 11 月 24 日付の民法 No. 91/2015/QH13 に基づき ;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;
- ベトナム社会主義共和国の 2005 年 6 月 14 日付の商法 No. 36/2005/QH11 に基づき ;
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực ngày 01/01/2022.
- 2022 年 1 月 1 日に発効したベトナム社会主義共和国 2020 年 11 月 17 日付の環境保全法 No. 72/2020/QH14 に基づき ;
- Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo Vệ Môi Trường ngày 10 tháng 01 năm 2022.
- 2022 年 1 月 10 日付の環境保全法の一部条項を明細する政府の政令 No. 08/2022/NĐ-CP に基づき ;
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi Trường có hiệu lực ngày 10/01/2022.
- 2022 年 1 月 10 日に発効した環境資源省の環境保全法の通達 No. 02/2022/TT-BTNMT に基づき ;

- Căn cứ vào Giấy phép xử lý chất thải nguy hại của Công Ty TNHH MTV Môi Trường Xanh Huế Phương VN do Bộ Tài Nguyên & Môi trường cấp ngày 06/01/2022 mã số QLCTNH 3-4-5-6.050.VX;

- 環境資源省によって2022年1月6日に発行されたHue Phuong VN グリーン環境一人有限会社の有害廃棄物処理許可書No. QLCTNH 3-4-5-6.050.VXに基づき;

- Căn cứ vào nhu cầu của CÔNG TY TNHH EARTH CORPORATION VIỆT NAM;

- EARTH CORPORATION VIET NAM 有限会社の需要に基づき;

Tại địa điểm: Công Ty TNHH MTV Môi Trường Xanh Huế Phương VN, Ấp Bến Rộng, xã Thạnh Đức, huyện Gò Dầu, Tây Ninh.

場所: Hue Phuong VN グリーン環境一人有限会社、Tay Ninh、Go Dau 県、Thanh Duc 社、Ben Rong 村

Chúng tôi gồm:

我々は:

BÊN A: CÔNG TY TNHH EARTH CORPORATION VIỆT NAM

甲: EARTH CORPORATION VIET NAM 有限会社

- Địa chỉ: Lô C6 đường N3, Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

- 住所: ベトナム、Bình Dương 省、Tan Uyen 市、Khanh Binh 町、Nam Tan Uyen 工業団地、N3 通り、C6 プロット

- Điện thoại: 0274.365.2641

Fax: 0274 3652642

- 電話: 0274.365.2641

ファクス: 0274 3652642

- Mã số thuế: 3700728495

- 税コード: 3700728495

- Đại diện: Ông YAMAUCHI YUTAKA

Chức vụ: Giám Đốc Điều hành

- 代表者: YAMAUCHI YUTAKA 氏

職位: 執行取締役

(Theo giấy ủy quyền ngày 24/03/2023)

(2023年3月24日付の委託状より)

BÊN B: CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG XANH HUÊ PHƯƠNG VN

乙: HUE PHUONG VN グリーン環境一人有限会社

- Địa chỉ: Tổ 5, ấp Bến Rộng, Xã Thạnh Đức, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh.

- 住所: Tây Ninh 省、Go Dau 県、Thanh Duc 社、Ben Rong 村、5 組

- Điện thoại: 0276-3855 345

Fax: 0276-3855 234

- 電話: 0276-3855 345

ファクス: 0276-3855 234

- Tài khoản số: 050023401158 tại ngân hàng Sacombank PGD Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh.

- 口座番号: 050023401158 銀行名: Sacombank 取引所: Tây Ninh 省、Trang Bang

- Mã số thuế: 3900995360

- 税コード: 3900995360

- Đại diện: Ông **LÊ THIÊN TÚ**

Chức vụ: Phó Giám đốc

- 代表者: **LE THIEN TU** 氏

職位: 副社長

(Căn cứ theo giấy ủy quyền số: 02/23/NB do giám đốc Công ty ký ngày 02/01/2023).

(2023 年 1 月 2 日に会社取締役社長によって署名された委託状 No. 02/23/NB)

Hai bên thỏa thuận thống nhất nội dung hợp đồng như sau:

両当事者は契約の内容を以下の通りに合意する。

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

第 1 条: 契約の内容

Bên A đồng chọn Bên B thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ chất thải nguy hại (gọi tắt là CTNH) & thu mua phế liệu sau xử lý trong quá trình sản xuất tại nhà máy của Bên A, địa chỉ: Lô C6, Đường N3, Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam theo đúng chức năng hành nghề của Bên B đã được cấp phép. Danh mục chất thải được ghi rõ tại điều khoản 3.2 của hợp đồng.

甲は、乙が発行された職業許可に従って、ベトナム、Binh Duong 省、Tan Uyen 市、Khanh Binh 町、Nam Tan Uyen 工業団地、N3 通り、C6 プロットに位置する甲の工場の生産プロセスから発生したの有害廃棄物を収集、運搬、処理するサービスを提供し、処理後のスクラップを買収するために、委託することに同意する。廃棄物リストは契約第 3.2 条項に明記される。

1.1. Toàn bộ chất thải được chuyên chở và đưa về xử lý tại Nhà máy xử lý chất thải nguy hại của Công ty TNHH MTV Môi Trường Xanh Huế Phương VN tại Tổ 5, ấp Bến Rộng, Xã Thạnh Đức, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh.

すべての廃棄物は Tay Ninh 省、Go Dau 県、Thanh Duc 社、Ben Rong 村、5 組に位置する Hue Phuong VN グリーン環境一人有限会社の有害廃棄物処理工場に運搬される。

1.2. Tần suất thu gom: Theo lịch Bên A đưa ra hoặc tùy theo tình hình kinh doanh của Bên A mà tần suất thu gom có thể thay đổi.

収集頻度：甲が提示するスケジュールに従うか、甲の営業状況に応じて、収集頻度が変更される場合がある。

1.3. Phương thức xác định khối lượng:

重量の測定方法：

- Khối lượng chất thải của từng loại chất thải là tổng khối lượng bao gồm cả bao bì lưu chứa loại chất thải đó.

各種の廃棄物の重量は、該当廃棄物の包装容器を含む総量である。

- Khối lượng chất thải được xác định bằng cân tại kho của Bên A có xác nhận của Bên B.

廃棄物の重量は乙の確認上、甲の倉庫で計量される。

Trong trường hợp không thể xác định được khối lượng tại kho của Bên A thì sẽ căn cứ theo phiếu cân tại bàn cân điện tử của Bên B, có người của Bên A giám sát và ký nhận.

甲の倉庫で計量できない場合、乙の電子電子計量台での計量票を基にし、甲の担当者が監視し、署名する。

DIỀU 2: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

第2条：両当事者の責任

2.1. Trách nhiệm của Bên A:

甲の責任：

- Toàn bộ chất thải phát sinh từ quá trình hoạt động sản xuất của Bên A phải được tập kết, phân loại, dán nhãn và lưu giữ an toàn trong kho chứa theo quy định của Pháp Luật Việt Nam về Quản lý chất thải nguy hại, trong khi chờ tiến hành bàn giao cho Bên B thu gom và xử lý. Nếu Bên A để chất thải nguy hại, công nghiệp, y tế, và sinh hoạt lẫn vào nhau thì Bên B có quyền từ chối tiếp nhận lô hàng đó.
- 甲の生産活動から発生するすべての廃棄物は、収集、処理するために、甲に引き渡されるのを待つ間、有害廃棄物に関するベトナム法令の規定に従って、収集、分類、ラベル付、安全に保管される必要がある。甲は有害廃棄物、工業・医療・生活廃棄物を混ぜ合わせた場合、乙はその貨物の受け取りを拒否する権利を有する。
- Cung cấp thông tin liên lạc cho Bên B:
- 乙に連絡情報を提供する。

Stt/No.	Email メール	Số điện thoại 電話番号 Phone	Phụ trách 担当者 In charge
01	Mr.Phuc/ mailto: phuc.nh@erath-vn.com Mr.Phuc/ mailto: phuc.nh@erath-vn.com	0937 964 192	

- Bên A thông báo cho Bên B trước 24H khi có phát sinh chất thải và liên hệ với Bên B theo thông tin như sau:

- 甲は、廃棄物が発生する 24 時間前に、乙に通知し、以下の情報通りに、乙に連絡する必要がある。

Stt/No.	Email メール	Số điện thoại 電話番号 Phone	Phụ trách 担当者 In charge
01	thanhtamtran340@gmail.com (Ms. Tâm) thanhtamtran340@gmail.com (Ms. Tam)	0708881479	Đặt lịch thu gom chất thải 廃棄物収集日程予約 Waste booking
02	Ngotheson@mtxvn.com (Mr.Son) Ngotheson@mtxvn.com (Mr.Son)	0933423302	Báo giá, hợp đồng 見積、契約 Quotation, contract
03	kt.mtxhuephuongvn@gmail.com (Ms.Bích) kt.mtxhuephuongvn@gmail.com (Ms.Bich)	0857030798	Thanh toán công nợ 債務の支払 Payment
04	kt.mtxhuephuongvn@gmail.com nhung.nguyenthihong@huephuongvn.com (Ms.Nhung)	0964 430 139	Đối chiếu công nợ 債務の対照 Debt comparision
05	thuy.lethi@huephuongvn.com (Ms.Thùy) thuy.lethi@huephuongvn.com (Ms.Thuy)	0914809147	Hành chính 行政 Administration
06	ven.phanthikim@huephuongvn.com (Ms.Ven) ven.phanthikim@huephuongvn.com (Ms.Ven)	0356239515	Hóa đơn điện tử 電子インボイス E - invoice
07	thuy.lethi@huephuongvn.com (Ms.Thùy) thuy.lethi@huephuongvn.com (Ms.Thuy)	0914809147	Chứng từ giao nhận 納品証書 Delivery document
08	Ngotheson@mtxvn.com (Mr.Son) Ngotheson@mtxvn.com (Mr.Son)	0933423302	Nhận số PO PO 番号受取 PO number
09	thuy.lethi@huephuongvn.com (Ms.Thùy) thuy.lethi@huephuongvn.com (Ms.Thuy)	0914809147	Môi trường 環境 Environment
10	daohong@huephuongvn.com (Ms.Hồng) daohong@huephuongvn.com (Ms.Hong)	0965987423	Nhân sự 人事 Human Resources
11	thuy.lethi@huephuongvn.com (Ms.Thùy) thuy.lethi@huephuongvn.com (Ms.Thuy)	0914809147	ATLĐ 労働安全 HSE

- Bên A tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B như đóng gói chất thải, cử nhân viên giám sát trong quá trình thu gom chất thải hay cung cấp giấy tờ cần thiết khi ra vào cổng nhà máy. Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải khi Bên B có yêu cầu.
- 甲は、乙の廃棄物の包装、廃棄物収集プロセスを監視するスタッフの任命や工場の出入りに必要な書類の提供等、乙に有利な条件を提供する。乙からの要求がある場合、廃棄物に関する必要な情報を提供する。
- Khi giao chất thải Bên A phải phối hợp với Bên B làm biên bản giao nhận chất thải và chứng từ CTNH theo quy định. Nếu phát sinh loại chất thải mới ngoài hợp đồng, Bên A phải thông báo cho Bên B tiến hành khảo sát, báo giá trước khi thu gom.

- 廃棄物を引き渡す際、甲は乙と協力し、規程に従って、廃棄物引受記録書、有害廃棄物の証書を作成する。契約外の新たな種類の廃棄物が発生した場合、甲は収集前に調査、見積りを行うために、乙に通知しなければならない。
- Trong thời gian hiệu lực hợp đồng, Bên A không được giao chất thải cho đơn vị khác vận chuyển và xử lý hoặc tự tiêu hủy chất thải.
- 契約の有効期間中、甲は廃棄物を他社に運搬、処理させたり、廃棄物を自分で廃棄物を処理したりしてはならない。
- Bên A khi giao chất thải nguy hại cho Bên B phải tuân thủ đúng quy định: Chỉ giao chất thải cho xe của Bên B có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường cấp phép (đính kèm danh sách xe đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển có xác nhận của Bên B). Nếu Bên A vi phạm các điều khoản này, Bên A sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc giao chất thải cho đơn vị không có chức năng xử lý và xe vận chuyển không đúng chức năng, đồng thời hợp đồng này sẽ tự động chấm dứt mà Bên B không cần phải thông báo cho Bên A. Bên A phải bồi thường cho Bên B các khoản chi phí phát sinh, tổn thất (nếu có) liên quan đến hành vi vi phạm của Bên A.
- 甲は乙に有害廃棄物を引き渡す際、次の規定に従わなければならない。資源環境省によって許可された収集、運搬の機能がある乙の車両（乙の確認がある収集、運搬の機能を持つ車両に添付）にのみ引き渡す。甲がこれらの条件に違反した場合、収集、運搬の機能がない機関及び不適切な車両に廃棄物を引き渡す行為に対する責任を法律前に負うものとし、乙が本契約は甲への事前の通知なく、自動的に終了する。甲は甲の違反行為に関する発生した費用、損失を乙に賠償しなければならない。

2.2. Trách nhiệm của Bên B:

乙の責任:

- Sắp xếp xe vào vận chuyển (trừ ngày lễ, chủ nhật) như thỏa thuận tại khoản 1.2 Điều 1 của hợp đồng.
- 契約第 1 条 1.2 項に合意した通り五、運搬用の車両を手配する（祝日、日曜日を除く）。
- Bên B có trách nhiệm bố trí nhân công phân loại, đóng gói, thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải tại kho Bên A.
- 乙は甲の倉庫での廃棄物の分類、梱包、収集、運搬、書類を行うための作業員を手配する責任を負う。
- Bên B bố trí xe có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường cấp phép.
- 乙は、資源環境省によって許可される廃棄物の収集、運搬に必要な機能を備えた車両を手配する。
- Bên B có trách nhiệm thực hiện vận chuyển theo yêu cầu của Bên A để tránh tình trạng ứ đọng kho bãi, bảo đảm các loại chất thải được xử lý và tái chế, tái sử dụng theo quy định hiện hành của Chính Phủ Việt Nam về bảo vệ môi trường. Các chất thải nguy hại được xử lý bằng các phương pháp đã đăng ký trong giấy phép xử lý, tiêu hủy CTNH đã được cấp của Bên B.
- 乙は甲の要求に応じて運搬を実施する責任があり、倉庫の停滞を避け、廃棄物がベトナム政府の環境保護に関する現在の規定に従って処理、リサイクル、再利用されることを確保する。有害廃棄物は処乙の発効された理廃棄許可書に登録された方法で処理される。
- Sau khi chất thải của Bên A được giao cho Bên B, nếu có bất kỳ sự cố nào xảy ra trong quá trình vận chuyển, lưu giữ và xử lý hoặc Bên B không đủ năng lực pháp lý trong việc xử lý chất thải thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.
- 甲の廃棄物が乙に引き渡された後、運送、保管及び処理の過程で何からの事故が発生した場合、や乙が廃棄物の処理における法理的能力を満たさない場合、乙が完全に責任を負うものとする。

- Toàn bộ chất thải của Bên A được thu gom, vận chuyển, lưu giữ và đưa về xử lý tại nhà máy xử lý chất thải của Bên B. Nếu có bất kỳ sự cố nào xảy ra trong quá trình thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.
- 甲の廃棄物のすべては乙の廃棄物処理工場で収集、運搬、保管、処理される。収集、運搬、保管、処理の過程で何からの事故が発生した場合、乙は完全に責任を負うものとする。
- Bên B có trách nhiệm làm thủ tục xuất trình giấy tờ cần thiết và thực hiện tốt nội quy của công ty khí xe và công nhân của Bên B ra/vào nhà máy.
- 乙は乙の車両及び作業員が工場に出入りする際に必要な書類の提出手続きを行い、会社の規則を適切に遵守する責任がある。
- Phải chuyển chất thải ra khỏi nhà máy khi đủ chuyển và chỉ chờ loại hàng trong danh mục chất thải của Hợp đồng này.
- 十分な量が集まった時、工場から廃棄物を持ち出し、本契約に記載された廃棄物のリストにのみ運搬しなければならない。
- Bên B phải mang đầy đủ các phương tiện thiết bị chuyên dụng cần thiết khi đến thu gom chất thải. Tuân thủ quy chế quản lý chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật về việc thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH.
- 乙は廃棄物を収集する際に、必要な専用の機械設備を十分に持参しなければならない。有害廃棄物の収集、運搬、処理に関する法令の規定に従って廃棄物管理規制を遵守する。
- Cung cấp chứng từ chất thải nguy hại cho Bên A sau khi đã hoàn thành việc xử lý chất thải nguy hại.
- 有害廃棄物の処理が完了した後、甲に有害廃棄物証書を提供する。
- Bên B không được tiết lộ thông tin về chất thải nguy hại của bên A cho bên thứ ba khi chưa có sự đồng ý của bên A, trừ trường hợp cung cấp cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- 乙は権限のある公的機関に提供する場合を除き、甲の承認がない限り、甲の廃棄物に関する情報を第三者に開示してはならない。
- Bên B phải thông báo với bên A khi Hợp đồng hết hạn hoặc có thay đổi, gia hạn hoặc chấm dứt hợp đồng, khi có nhu cầu thay đổi, bổ sung đơn vị tiếp nhận chất thải để xử lý, tiêu hủy, khi giấy phép xử lý CTNH của bên B hết hạn hoặc gia hạn.
- 契約の有効期限が切れ、変更、延長又は解除されたか、処理、廃棄のために、受取り機関を変更、追加する必要があるか、乙の有害廃棄物許可書の期限が切れた場合、乙は甲に通知しなければならない。
- Bên B phải cung cấp các tài liệu liên quan đến việc thu gom và xử lý chất thải cho Bên A để Bên A có căn cứ ký hợp đồng và khi Bên A yêu cầu.
- 乙は甲が契約を締結する基礎を持つために、かつ甲が要求する際、甲に廃棄物の収集及び処理に関する関連資料を提供しなければならない。

ĐIỀU 3: SỐ LƯỢNG VÀ ĐƠN GIÁ

第3条：数量及び単価

3.1. Số lượng chất thải được tính theo số lượng thực tế mà Bên A giao cho Bên B thông qua Biên Bản giao nhận có xác nhận của đại diện hai bên.

甲が乙に実施に引き渡した数量を両当事者の代表の確認を得た引受記録書を通じて算出する。

3.2. Danh mục các loại chất thải và phế liệu thu mua sau xử lý cụ thể như sau:

各種廃棄物及び処理後スクラップリストは以下の通り：

STT 順番	Tên chất thải 廃棄物	Mã chất thải nguy hại 有害廃 棄物番 号	DVT 単位	PPXL 処理方法	Trạng thái 状態	Tính cháy 可燃性
1	Các loại chất hấp thụ đã qua sử dụng, hạt lọc gas 使用済み吸収剤、ガスフィルタービーズ	03 06 07	Kg キログラム	LĐ 焼却炉	Rắn 個体	Dễ cháy 可燃性
2	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải 廃水処理プロセスからの有害成分を含む廃泥	12 06 05	Kg キログラム	LĐ 焼却炉	Rắn 個体	Dễ cháy 可燃性
3	Hộp mực in thải 廃棄インクカートリッジ	08 02 04	Kg キログラム	LĐ 焼却炉	Rắn 個体	Dễ cháy 可燃性
4	Bóng đèn huỳnh quang thải 廃棄蛍光灯	16 01 06	Kg キログラム	BDHQ 蛍光灯	Rắn 個体	Không なし
5	Bóng đèn led LED 電球	16 01 13	Kg キログラム	LKĐT 電子部品	Rắn 個体	Không なし
6	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn gốc khoáng thải không chứa Clo 塩素を含まないエンジン、トランスミッションの廃棄オイル及び廃棄鉱物潤滑剤	17 02 02	Kg キログラム	TCDN オイルのリサイクル	Lỏng 液体	Không なし
7	Bao bì mềm thải 廃棄柔らかい包装	18 01 01	Kg キログラム	LĐ 焼却炉	Rắn 個体	Dễ cháy 可燃性
8	Chất hấp thụ, vải liệu lọc, gié	18 02 01	Kg	LĐ	Rắn	Dễ cháy

	lau dính TPNH 有害成分付吸収剤、フィル ター材、布巾		キログ ラム	焼却炉	個体	可燃性
9	Ắc quy chì thải 廃鉛バッテリー	19 06 01	Kg キログ ラム	AQCT 廃鉛バッテ リー	Rắn 個体	Dễ cháy 可燃性
10	Hóa chất thải 廃棄化学物質	19 05 02	Kg キログ ラム	LD 焼却炉	Rắn 個体	Dễ cháy 可燃性
11	Phuy sắt 200L nguyên 200 リットルの新品鉄製ド ラム	18 01 02	Cái 個	STRP ドラム缶の 洗浄	Rắn 個体	Không なし
12	Rác y tế 医療廃棄物	13 01 01	Kg キログ ラム	LD 焼却炉	Rắn 個体	Dễ cháy 可燃性
13	Phuy sắt 100L nguyên 100 リットルの新品鉄製ド ラム	18 01 02	Cái 個	STRP ドラム缶の 洗浄	Rắn 個体	Không なし
14	Phuy sắt 50L nguyên 50 リットルの新品鉄製ドラ ム	18 01 02	Cái 個	STRP ドラム缶の 洗浄	Rắn 個体	Không なし
15	Thùng sắt 30L 30 リットルの鉄製バケツ	18 01 02	Cái 個	TRPL スクラップ 洗浄	Rắn 個体	Không なし
16	Thùng sắt 20-25L 20 - 25 リットルの鉄製バケ ツ	18 01 02	Cái 個	TRPL スクラップ 洗浄	Rắn 個体	Không なし
17	Lon/ chai kim loại 金属缶/ボトル	18 01 02	Kg キログ ラム	TRPL スクラップ 洗浄	Rắn 個体	Không なし
18	Phuy nhựa 200-220L nguyên 200 - 220 リットルの新品ブ	18 01 03	Cái 個	STRP ドラム缶の	Rắn 個体	Không なし

	ラスチックドラム			洗浄		
19	Phuy nhựa 160L nguyên 160 リットルの新品プラスチックドラム	18 01 03	Cái 個	STRP ドラム缶の 洗浄	Rắn 個体	Không なし
20	Phuy nhựa 120L nguyên 120 リットルの新品プラスチックドラム	18 01 03	Cái 個	STRP ドラム缶の 洗浄	Rắn 個体	Không なし
21	Phuy nhựa 100L nguyên 100 リットルの新品プラスチックドラム	18 01 03	Cái 個	STRP ドラム缶の 洗浄	Rắn 個体	Không なし
22	Thùng nhựa 50L nguyên 50 リットルの新品プラスチックバケツ	18 01 03	Cái 個	STRP ドラム缶の 洗浄	Rắn 個体	Không なし
23	Can xanh 25-30L 25 - 30 リットルの青い缶	18 01 03	Cái 個	TRPL スクラップ 洗浄	Rắn 個体	Không なし
24	Can nhựa đen 20L 20 リットルの黒いプラスチック缶	18 01 03	Cái 個	TRPL スクラップ 洗浄	Rắn 個体	Không なし
25	Lon/chai/lọ nhựa プラスチック缶/ボトル/瓶	18 01 03	Kg キログ ラム	TRPL スクラップ 洗浄	Rắn 個体	Không なし
26	Xô nhựa 20-30L 20 - 30 リットルのプラスチックバケツ	18 01 03	Cái 個	TRPL スクラップ 洗浄	Rắn 個体	Không なし
27	Nước thải nguy hại 有害廃水	19 10 01	Kg キログ ラム	LD 焼却炉	Rắn 個体	Không なし
28	Rác công nghiệp 工業廃棄物	---	Kg キログ ラム	LD 焼却炉	Rắn 個体	Dễ cháy 可燃性
29	Mỡ nhà ăn	---	Kg	PL	Rắn	Dễ cháy

	食堂の脂肪		キログラム	スクラップ	個体	可燃性
30	Giấy carton カートン紙	---	Kg キログラム	PL スクラップ		----
31	Nylon sạch, khô, dẻo 清潔、乾燥、柔軟ナイロン	---	Kg キログラム	PL スクラップ		----
32	Nylon sạch, khô, giòn 清潔、乾燥、脆いナイロン	---	Kg キログラム	PL スクラップ		----
33	Nylon sạch, khô, dẻo- dính băng keo 清潔、乾燥、柔軟、テープ 付ナイロン	---	Kg キログラム	PL スクラップ		----
34	Nylon sạch, khô, giòn- dính băng keo 清潔、乾燥、脆い、テープ 付ナイロン	---	Kg キログラム	PL スクラップ		----
35	Nylon dơ, ướt 汚れた、湿ったナイロン	---	Kg キログラム	PL スクラップ		----
36	Nhựa dẻo 柔軟性プラスチック	---	Kg キログラム	PL スクラップ		----
37	Nhựa giòn 脆性プラスチック	---	Kg キログラム	PL スクラップ		----
38	Nhôm phế 廃棄アルミ	---	Kg キログラム	PL スクラップ		----
39	Sắt tôn トタン鉄	---	Kg キログラム	PL スクラップ		----

			ラム			
40	Sắt phế 廃棄鉄	---	Kg キログラム	PL スクラップ		----
41	Inox 201 201 ステンレス鋼	---	Kg キログラム	PL スクラップ		----
42	Inox 304 304 ステンレス鋼	---	Kg キログラム	PL スクラップ		----
43	Inox 316 316 ステンレス鋼	---	Kg キログラム	PL スクラップ		----
44	Palet gỗ vụn 木製パレットの破片	---	Kg キログラム	PL スクラップ		----

Ghi chú:

備考:

- | | |
|----------|-------------------------------------|
| 1. LD | : HT Lò đốt 焼却炉システム |
| 2. HR | : HT Hóa rắn 固体化システム |
| 3. AQCT | : HT Ác quy chì thải 廃鉛バッテリーシステム |
| 4. LKĐT | : HT Linh kiện điện tử 電子部品システム |
| 5. TCDN | : HT Tái chế dầu nhớt 廃油のリサイクルシステム |
| 6. TCDM | : HT Tái chế dung môi 溶媒のリサイクルシステム |
| 7. BĐHQ | : HT Bóng đèn huỳnh quang 蛍光灯システム |
| 8. XLNT | : HT Xử lý nước thải 廃水処理システム |
| 9. STRP | : HT Súc rửa thùng phuy ドラム缶の洗浄システム |
| 10. TRPL | : HT Tẩy rửa phế liệu スクラップ洗浄システム |

3.3 Đơn giá xử lý được áp dụng theo phụ lục đính kèm theo Hợp đồng này.

処理単価は本契約の付録に従って適用される。

ĐIỀU 4: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

第4条: 支払方法

4.1. Khối lượng thực tế căn cứ vào biên bản thu gom chất thải có xác nhận giữa hai Bên.

実際の重量は両当事者の確認を得た廃棄物収集記録書に基づく。

4.2. Phương thức thanh toán: Bên A sẽ thanh toán cho bên B bằng hình thức tiền mặt hoặc chuyển khoản (chi phí chuyển khoản do bên thanh toán chi trả). Thời gian thanh toán chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn phát hành.

支払方法: 甲は乙に対し、現金又は振込の方法で支払う(振込の方法で支払側の負担とする)。支払期限は甲がインボイスを受取った日から15日以内とする。

4.3. Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn, Hai bên phải thông báo cho nhau bằng văn bản. Nếu Bên A (hoặc Bên B) không thông báo thì Bên B (hoặc Bên A) sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn.

インボイスの情報の変更がある場合、両当事者は書面で相手方に通知しなければならない。甲(又は乙)が通知しない場合、甲(又は乙)はインボイスを発行した際、責任を負わない。

4.4. Trong trường hợp Nhà nước có thay đổi thuế suất GTGT hai bên được quyền điều chỉnh theo quy định.

国が付加価値税率を変更した場合、両当事者は規程に従って調整する権利を有する。

4.5. Nếu Bên A thanh toán trễ hạn so với thời hạn thanh toán đã ký kết thì Bên A sẽ phải nộp phạt cho Bên B theo lãi suất ngân hàng Công thương Việt Nam (tính theo thời điểm Bên B phát hành hóa đơn GTGT) trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn.

甲が締結された支払期限に遅れて支払った場合、甲は乙にベトナム商業銀行の金利（乙が付加価値税のインボイスを発行した時点での金利）に基づき、遅延した支払総額に対する罰金を支払うものとする。

4.6. Trong trường hợp Bên A tạm ngưng giao chất thải cho Bên B xử lý theo điều 5 thì Bên A phải hoàn thành nghĩa vụ quyết toán công nợ cho Bên B trong vòng 15 ngày kể từ ngày tạm ngưng giao chất thải.

甲が第5条に従って乙への廃棄物処理の引渡しの一時停止を行った場合、甲は廃棄物引渡しの時停止日から15日以内に乙への債務決算の義務を負わなければならない。

ĐIỀU 5: CÁC TRƯỜNG HỢP TẠM NGỪNG – CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

第5条：一時停止・終了の場合

5.1. Bên A được quyền tạm ngưng việc giao chất thải cho Bên B xử lý bằng văn bản trước 30 ngày nếu Bên B vi phạm hợp đồng.

甲は、乙が契約に違反した場合、30日前に書面で乙に通知することで、乙への廃棄物の引渡しを一時停止する権利を有する。

5.2. Bên A được quyền tạm ngưng việc giao chất thải cho Bên B xử lý khi hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 7.

甲は、第7条に従って、契約が終了した場合、乙への廃棄物の引渡しを一時停止する権利を有する。

5.3. Bên B được quyền thông báo tạm ngưng thu gom chất thải bằng văn bản trước nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh các trường hợp sau:

乙は、契約履行中に以下の事項が発生した場合、事前に書面で廃棄物の収集を一時停止する権利を有する。

- Do bên A vi phạm hợp đồng.

甲が契約に違反した場合

- Do Bên A thanh toán trễ hạn theo quy định tại khoản 4.2 điều 4.

甲が第4条4.2項の規定に従って支払が遅れた場合

- Theo yêu cầu của các cơ quan chức năng.

権限のある機関の要求がある場合

- Do các trường hợp bất khả kháng: thiên tai, lũ lụt,...

自然災害、洪水など不可抗力の場合

- Hợp đồng hết hiệu lực theo điều 7.

契約が第7条の規定に従って終了した場合

5.4. Bên B (hoặc bên A) được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên A (hoặc bên B) vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc bên A (hoặc bên B) vi

phạm các quy định pháp luật hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên B (hoặc Bên A).

乙 (又は甲) は、甲 (又は乙) が本契約のいずれかの内容に違反した場合、又は甲 (又は乙) が現行法令に違反し、乙 (又は甲) の k 集うに影響を与えた場合、契約を一方的に解除する権利を有する。

ĐIỀU 6: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

第 6 条 : 総則

6.1. Hai bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã ký, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại. Nếu muốn hủy hợp đồng thì phải thông báo trước cho đối phương 30 ngày.

両当事者は締結された条項を正確かつ完全に実施することを確約し、いずれの当事者も両当事者の書面による合意がない限り、内容を自発的に変更したり、一方的に契約を解除したりしてはならない。違反した当事者は、その違反行為によって被害を受けた当事者に対して、発生したすべての損害を賠償する責任を負う。契約を解除したい場合、相手方に 30 日前に通知する必要がある。

6.2. Mọi tranh chấp phát sinh đều được ưu tiên giải quyết trên tinh thần hợp tác, thương lượng. Nếu hai bên không tự giải quyết được thì vấn đề sẽ được đưa ra giải quyết theo quy định của Pháp luật Việt Nam hiện hành và theo quyết định của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương hoặc Tòa Án kinh tế có thẩm quyền và phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.

発生したすべての紛争は、協力、交渉の精神の基づき、優先的に解決されるものとする。両当事者が自分で解決できない場合、問題はベトナム法及び Binh Duong 省人民裁判所又は権限のある経済裁判所の決定に従って解決され、その判決が最終決定となる。訴訟費用は、敗訴した当事者が負担する。

6.3. Các phụ lục, biên bản thỏa thuận kèm theo là bộ phận không thể tách rời và có hiệu lực theo hiệu lực của Hợp đồng này.

添付された付随や合意書は本契約の切り出せない部分となり、本契約と同様な効力を有するものとする。

ĐIỀU 7: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

第 7 条 : 契約の効力

7.1. Hợp đồng này có hiệu lực 01 (một) năm (trừ khi được gia hạn hoặc chấm dứt bằng văn bản trước. thời hạn của hợp đồng) kể từ ngày 01/12/2024. Nếu đến thời hạn kết thúc Hợp Đồng mà các bên vẫn chưa có văn bản chấm dứt thì Hợp Đồng được tự động gia hạn thêm 30 ngày kể từ ngày hết hạn.

本契約は 2024 年 12 月 01 日から 01 (一) 年 (契約期限日前に、書面で延長や終了された場合を除き) 有効である。契約の終了期限日になっても、各当事者は終了書面がない場合、契約は有効期限日から 30 日延長される。

7.2. Việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng chỉ có hiệu lực thi hành bằng cách: Hai bên thỏa thuận ký kết phụ lục bổ sung hoặc ký kết hợp đồng mới trước thời hạn của hợp đồng. Phụ lục bổ sung hợp đồng là một bộ phận không thể tách rời với hợp đồng và có hiệu lực như hợp đồng chính. Nếu phụ lục bổ sung hợp đồng có những điều khoản trái với điều khoản nào trong hợp đồng thì được coi điều khoản đó trong hợp đồng chính đã được sửa đổi.

契約の修正、補充は、次の方法でのみ有効がある。両当事者は、契約の期限日前に、補充附録や新規契約の締結に合意する。契約補充附録は契約の切り出せない部分であり、主な契約と同様な効力を持つ。契約補充附録が契約に反する条項がある場合、主な契約の条項が変更されたと見なされる。

7.3. Hợp đồng này bao gồm 08 (tám) trang, được lập thành 04 (bốn) bản có đầy đủ chữ ký và con dấu của hai bên. Mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau.

本契約には 08 (八) 頁が含まれ、両当事者の署名及び印鑑がある 04 (四) 通作成される。各当事者は同等価値を持つ 02 通を保管する。

ĐẠI DIỆN BÊN A
甲の代表者 *Yutaka*
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
EARTH CORPORATION
VIỆT NAM
TP. TÂN LUYẾN - T. BÌNH DƯƠNG
肉 *Yutaka*
TỔNG GIÁM ĐỐC
YAMAUCHI YUTAKA

ĐẠI DIỆN BÊN B
乙の代表者
PHÓ GIÁM ĐỐC
副社長
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN
MÔI TRƯỜNG XANH
HUẾ PHƯƠNG YÊN
LÊ THIÊN TÚ
LE THIEN TU

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
XANH HUÊ PHƯƠNG VN

HUE PHUONG VN グリーン環境一人有
限会社

Bến Rộng, Thạnh Đức, Gò Dầu, Tây Ninh
Tay Ninh, Go Dau, Thanh Duc, Ben
Rong

ベトナム社会主義共和国

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

独立・自由・幸福

Số: PL 01/24/HĐXLBD-EC

Tây Ninh, ngày 11 tháng 11 năm 2024

号: PL 01/24/HĐXLBD-EC

Tay Ninh, 2024 年 11 月 11 日

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG 01

契約附録 01

Đính kèm Hợp đồng dịch vụ Số: HP181/24/HĐXLBD-EC Về việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại và thu mua phế liệu sau xử lý, ký ngày 11/11/2024 giữa Công ty TNHH Earth Corporation Việt Nam và Công ty TNHH MTV Môi Trường Xanh Huế Phương VN.

Earth Corporation Viet Nam 有限会社と Hue Phuong VN グリーン環境株式会社との間で、2024 年 11 月 11 日に締結した有害廃棄物の収集、運搬、処理及び処理後のスクラップ買取に関するサービス契約 No. HP181/24/HĐXLBD-EC に添付する。

1. Đơn giá xử lý các loại chất thải nguy hại:

各種有害廃棄物の処理単価

STT 順番	Tên chất thải 廃棄物名	Mã CTNH 有害廃棄 物の番号	ĐVT 単位	Đơn giá thu mua 買取単価 (VND)	ĐVT 単位	Đơn giá xử lý 処理単位 (VND)
1	Các loại chất hấp thụ đã qua sử dụng, hạt lọc gas 使用済み吸収剤、ガスフィル タービーズ	03 06 07	Kg キログ ラム	---	Kg キログラ ム	4.200
2	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải 廃水処理プロセスからの有害 成分を含む廃泥	12 06 05	Kg キログ ラム	---	Kg キログラ ム	4.200
3	Hộp mực in thải 廃棄インクカートリッジ	08 02 04	Kg キログ ラム	---	Kg キログラ ム	4.000
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Kg	---	Kg	7.000

	廃棄蛍光灯		キログラム		キログラム	
5	Bóng đèn led LED 電球	16 01 13	Kg キログラム	----	Kg キログラム	7.000
6	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn gốc khoáng thải không chứa Clo 塩素を含まないエンジン、トランスミッションの廃棄オイル及び廃棄鉱物潤滑剤	17 02 02	Kg キログラム	----	Kg キログラム	2.000
7	Bao bì mềm thải 廃棄ソフト包装	18 01 01	Kg キログラム	----	Kg キログラム	3.500
8	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau dính TPNH 有害成分付吸収剤、フィルター材、布巾	18 02 01	Kg キログラム	----	Kg キログラム	4.500
9	Ắc quy chì thải 廃鉛バッテリー	19 06 01	Kg キログラム	----	Kg キログラム	3.000
10	Hóa chất thải 廃棄化学物質	19 05 02	Kg キログラム	----	Kg キログラム	4.000
11	Phuy sắt 200L nguyên 200 リットルの新品鉄製ドラム	18 01 02	Cái 個	130.000	Kg キログラム	1.000
12	Rác y tế 医療廃棄物	13 01 01	Kg	-----	Kg キログラム	15.000
13	Phuy sắt 100L nguyên 100 リットルの新品鉄製ドラム	18 01 02	Cái 個	65.000	Kg キログラム	2.000
14	Phuy sắt 50L nguyên 50 リットルの新品鉄製ドラム	18 01 02	Cái 個	30.000	Kg キログラム	2.000
15	Thùng sắt 30L 30 リットルの鉄製バケツ	18 01 02	Cái 個	15.000	Kg キログラム	2.000
16	Thùng sắt 20-25L	18 01 02	Cái	13.000	Kg	2.000

	20 - 25 リットルの鉄製バケツ		個		キログラム	
17	Lon/ chai kim loại 金属缶/ボトル	18 01 02	Kg	6.500	Kg キログラム	2.000
18	Phuy nhựa 200-220L nguyên 200 - 220 リットルの新品プラスチックドラム	18 01 03	Cái 個	220.000	Kg キログラム	1.000
19	Phuy nhựa 160L nguyên 160 リットルの新品プラスチックドラム	18 01 03	Cái 個	110.000	Kg キログラム	2.000
20	Phuy nhựa 120L nguyên 120 リットルの新品プラスチックドラム	18 01 03	Cái 個	80.000	Kg キログラム	2.000
21	Phuy nhựa 100L nguyên 100 リットルの新品プラスチックドラム	18 01 03	Cái 個	55.000	Kg キログラム	2.000
22	Thùng nhựa 50L nguyên 50 リットルの新品プラスチックバケツ	18 01 03	Cái 個	30.000	Kg キログラム	2.000
23	Can xanh 25-30L 25 - 30 リットルの青い缶	18 01 03	Cái 個	15.000	Kg キログラム	2.000
24	Can nhựa đen 20L 20 リットルの黒いプラスチック缶	18 01 03	Cái 個	9.000	Kg キログラム	2.000
25	Lon/chai/lọ nhựa プラスチック缶/ボトル/瓶	18 01 03	Kg	6.500	Kg キログラム	2.000
26	Xô nhựa 20-30L 20 - 30 リットルのプラスチックバケツ	18 01 03	Cái 個	10.000	Kg キログラム	2.000
27	Nước thải nguy hại 有害廃水	19 10 01	Kg キログラム	----	Kg キログラム	2.000
28	Rác công nghiệp 工業廃棄物	---	Kg	----	Kg	1.500

			キログラム		キログラム	
29	Mỡ nhà ăn 食堂の脂肪	---	Kg キログラム	----	Kg キログラム	1.500
30	Giấy carton カートン紙	---	Kg キログラム	3.000	Kg キログラム	----
31	Nylon sạch, khô, dẻo 清潔、乾燥、柔軟ナイロン	---	Kg キログラム	12.000	Kg キログラム	----
32	Nylon sạch, khô, giòn 清潔、乾燥、脆いナイロン	---	Kg キログラム	5.000	Kg キログラム	----
33	Nylon sạch, khô, dẻo- dính băng keo 清潔、乾燥、柔軟、テープ付 ナイロン	---	Kg キログラム	6.000	Kg キログラム	----
34	Nylon sạch, khô, giòn- dính băng keo 清潔、乾燥、脆い、テープ付 ナイロン	---	Kg キログラム	4.000	Kg キログラム	----
35	Nylon dơ, ướt 汚れた、湿ったナイロン	---	Kg キログラム	3.000	Kg キログラム	----
36	Nhựa dẻo 柔軟性プラスチック	---	Kg キログラム	4.000	Kg キログラム	----
37	Nhựa giòn 脆性プラスチック	---	Kg キログラム	5.000	Kg キログラム	----
38	Nhôm phế 廃棄アルミ	---	Kg キログラム	28.000	Kg キログラム	----
39	Sắt tôn トタン鉄	---	Kg キログラム	6.000	Kg キログラム	----
40	Sắt phế 廃棄鉄	---	Kg	7.500	Kg	----

			キログラム		キログラム	
41	Inox 201 201 ステンレス鋼	---	Kg キログラム	12.000	Kg キログラム	----
42	Inox 304 304 ステンレス鋼	---	Kg キログラム	25.000	Kg キログラム	----
43	Inox 316 316 ステンレス鋼	---	Kg キログラム	40.000	Kg キログラム	----
44	Palet gỗ vụn 木製パレットの破片	---	Kg キログラム	300	Kg キログラム	----

2. Trọng lượng các loại thùng chứa chất thải:

廃棄物容器の重量:

STT 順番	Loại thùng ドラム類	Số Kg/Cái キロ/個
1	Phuy sắt 200L. 200 リットル鉄製ドラム	18
2	Phuy sắt 150L. 150 リットル鉄製ドラム	12
3	Phuy sắt 100L. 100 リットル鉄製ドラム	10
4	Phuy sắt 50L. 50 リットル鉄製ドラム	3
5	Phuy sắt 20-30L. 20-30 リットル鉄製ドラム	1
6	Phuy nhựa 1000L. 1000 リットルプラスチックドラム	15
7	Phuy nhựa 200-220L. 200-220 リットルプラスチックドラム	10
8	Phuy nhựa 150-160L. 15-160 リットルプラスチックドラム	7
9	Phuy nhựa 100-120L. 100-120 リットルプラスチックドラム	5
10	Phuy nhựa 50L.	2

	50 リットルプラスチックドラム	
11	Can nhựa 20-30L 20 – 30 プラスチック缶	1

Ghi chú:

備考:

- Đơn giá trên đã bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải.
- 上記の単価は廃棄物の収集、運搬及び処理の費用が含まれる。
- Đối với chất thải y tế có khả năng lây nhiễm phải được phun khử khuẩn và lưu chứa trong bao bị theo đúng quy định trước khi bàn giao cho xe vận chuyển. Nếu tổng khối lượng thu gom 01 chuyến dưới **500kg** tính thêm phụ phí vận chuyển: **500.000đ/chuyến**.
- 感染の可能性のある医療廃棄物について、運搬車両に引き渡す前に適切に消毒し、包装する必要がある。収集量が1回の輸送で**500kg**未満の場合、輸送手数料として**500,000 VND/回**が加算される。
- Sau khi hợp đồng có hiệu lực, Bên B sẽ đặt cọc trước cho Bên A **100.000.000 VND (Bảng chú: Một trăm triệu đồng)** để đảm bảo duy trì hợp đồng, số tiền cọc này sẽ được Bên A hoàn trả lại đầy đủ cho Bên B khi kết thúc hợp đồng.
- 契約発効後、契約維持を保証するために、BはAに100,000,000 VND (言い換えると1億 VND) の前払い金を支払います。Aは、契約終了時にBに100,000,000 (VND) を返金します。
- Hình thức đặt cọc: bảng chuyển khoản, sau khi Bên A nhận được đủ số tiền cọc 100.000.000 (vnd) thì sẽ xác nhận bằng văn bản với Bên B.
- 前払金は銀行で振り込み、Aが100,000,000の全額を受領した後、Bに書面で確認します。
- Đơn giá xử lý trên chưa bao gồm thuế GTGT.
- 上記の処理単価は付加価値税が含まれていない。
- Đơn giá thu mua trên đã bao gồm thuế GTGT.
- 上記の買取処理単価は付加価値税が含まれる。

ĐẠI DIỆN BÊN A

甲の代表者



TỔNG GIÁM ĐỐC
YAMAUCHI YUTAKA

ĐẠI DIỆN BÊN B

乙の代表者

PHÓ GIÁM ĐỐC

副社長



LÊ THIÊN TỬ

LE THIEN TU

CỤC MÔI TRƯỜNG
ĐOÀN KIỂM TRA
Theo Quyết định số 434/QĐ-MT
ngày 05 tháng 6 năm 2025
Số:12/BB-ĐKT-Tổ 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 7 năm 2025

BIÊN BẢN

Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với Công ty TNHH Earth Corporation Việt Nam

Căn cứ Quyết định số 434/QĐ-MT ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Cục trưởng Cục môi trường về kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Dương (đợt 1). Vào lúc 13 giờ 30 ngày 14 tháng 7 năm 2025, tại Chi cục Bảo vệ môi trường miền Nam có địa chỉ: Số 200 Lý Chính Thắng, phường Nhiêu Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh; trên cơ sở Biên bản làm việc ngày 09 tháng 6 năm 2025, hồ sơ tài liệu do đơn vị cung cấp và kết quả phân tích mẫu; Đoàn Kiểm tra lập biên bản kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với Công ty TNHH Earth Corporation Việt Nam.

I. Thành phần

1. Đại diện Đoàn kiểm tra:

- Ông Lê Hồng Dương, Chi cục trưởng, Chi cục Bảo vệ môi trường miền Nam, Cục Môi trường, Trưởng đoàn;
- Ông Nguyễn Hồng Minh, Chuyên viên, Chi cục Bảo vệ môi trường miền Nam, Cục Môi trường, Thành viên;
- Ông Lê Hải Quân, Chuyên viên, Chi cục Bảo vệ môi trường miền Nam, Cục Môi trường, Thành viên;
- Ông Nguyễn Văn Huy, Chuyên viên, Chi cục Bảo vệ môi trường miền Nam, Cục Môi trường, Thành viên;
- Ông Cao Lê Hưng, Chuyên viên, Chi cục Bảo vệ môi trường miền Nam, Cục Môi trường, Thành viên;
- Bà Nguyễn Minh Nguyệt, Chuyên viên chính, Chi cục Bảo vệ môi trường miền Nam, Cục Môi trường, Thành viên;

2. Đại diện theo pháp luật Công ty TNHH Earth Corporation Việt Nam

- Ông Mè Tiến Vũ, Giám đốc Pháp chế, Trưởng phòng kỹ thuật (được ông Yamauchi Yutaka, Chủ tịch Công ty kiêm Tổng Giám đốc uỷ quyền theo Giấy uỷ quyền ngày 10/7/2025);
- Bà Quách Tố Nga, Trưởng phòng Hành chính;
- Ông Mè Tiến Vũ, Trưởng phòng kỹ thuật.

II. Nội dung kiểm tra

1. Thông tin chung

Công ty TNHH Earth Corporation Việt Nam (sau đây gọi là Công ty) có địa chỉ tại Lô C6 đường N3, Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, phường Khánh



Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700728495 cấp lần đầu ngày 28 tháng 7 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 08 tháng 12 năm 2023 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Nhà máy sản xuất Công ty TNHH Earth Corporation Việt Nam có công suất 80.000 tấn/năm (Địa chỉ: Lô C6 đường N3, Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh); dự án đi vào hoạt động chính thức từ tháng 10 năm 2007; quy mô: 14.000 m²; loại hình: Sản xuất chất tẩy rửa, chất diệt côn trùng, thiết bị cho việc phun, làm phân tán chất lỏng hoặc bột, sản xuất máy hoá lỏng khí và gas, máy cung cấp gas, sản phẩm diệt muỗi, sản phẩm tạo mùi thơm; tổng số lượng nhân viên 270 người.

Trong quá trình hoạt động, Công ty sử dụng nguyên và nhiên liệu chính gồm: Nước 48.000 m³/năm, HCl 32% 1.500 tấn/năm, LPG 1.500 tấn/năm, Natri Sunfat 150 tấn/năm, NaOH lỏng 32% 350 tấn/năm, Isopar L Fluid 350 tấn/năm, Salidan DMDH 45 tấn/năm, Sles – Tico 900 tấn/năm, cồn E2 150 tấn/năm, Sokalan PA 30 18 tấn/năm, Sinopol 1112-S86 350 tấn/năm.

Quy trình công nghệ sản xuất: Nguyên liệu đầu vào → Phối trộn → Chứa → Chiết nạp → Đóng gói → Thành phẩm.

Công suất năm 2023 là 32.267 tấn, năm 2024 là 30.943 tấn/năm, từ tháng 01 đến 31/5/2025 là 14.300 tấn/năm.

Lượng nước sử dụng trung bình khoảng 120 m³/ngày đêm từ nguồn nước cấp của Khu công nghiệp Nam Tân Uyên.

2. Tình hình chấp hành các thủ tục hành chính về bảo vệ môi trường

Ngày 30 tháng 8 năm 2013, Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) có Quyết định số 1547/QĐ-BTNMT phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Mở rộng nâng công suất nhà máy sản xuất chất tẩy rửa – Công ty TNHH Á Mỹ Gia – Công suất 30.000 tấn sản phẩm/năm” tại Lô C6 đường N3, Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, phường Khánh Bình, huyện Tân Uyên (nay là thị xã Tân Uyên), tỉnh Bình Dương.

Ngày 5 tháng 5 năm 2016, Tổng cục môi trường có Giấy xác nhận số 42/GXN-TCMT xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án “Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất chất tẩy rửa Công ty TNHH Á Mỹ Gia công suất 30.000 tấn/năm” của Công ty TNHH Á Mỹ Gia tại Lô C6 đường N3, Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Ngày 10 tháng 7 năm 2018, Chi cục Bảo vệ môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 74.001038.T (cấp lần 4) cho Công ty.

Ngày 24 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) có Quyết định số 2553/QĐ-BTNMT phê duyệt báo



cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất Công ty TNHH Earth Corporation Việt Nam – Công suất 80.000 tấn/năm” tại Lô C6 đường N3, Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương của Công ty.

Ngày 09 tháng 11 năm 2022, Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) cấp Giấy phép môi trường số 294/GPMT-BTNMT cho dự án đầu tư “Nhà máy sản xuất Công ty TNHH Earth Corporation Việt Nam – Công suất 80.000 tấn/năm” của Công ty.

Về báo cáo công tác bảo vệ môi trường: Công ty đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ và gửi tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

Về bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại môi trường: Không thuộc đối tượng quy định tại Điều 130 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

Về hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 14001 được chứng nhận: Không thuộc đối tượng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 111 và khoản 2 Điều 112 của Luật BVMT.

3. Các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh và biện pháp giảm thiểu

- Về nước thải: Có 06 nguồn phát sinh nước thải.

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực văn phòng, với lưu lượng phát sinh khoảng 01 m³/ngày được thu gom, xử lý sơ bộ tại bể tự hoại sau đó tự chảy theo đường ống về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy để xử lý.

+ Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh của công nhân, với lưu lượng phát sinh khoảng 5,7 m³/ngày được thu gom, xử lý sơ bộ tại bể tự hoại sau đó tự chảy về bể gom nước thải Nhà máy có thể tích khoảng 12 m³, sau đó được bơm qua đường ống về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy để xử lý.

+ Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh nhà xưởng, với lưu lượng phát sinh khoảng 0,5 m³/ngày.

+ Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải tại tháp hấp thụ, với lưu lượng phát sinh khoảng 0,1 m³/ngày.

+ Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ hoạt động tráng bồn khi thay đổi sản phẩm trên cùng một dây chuyền, với lưu lượng phát sinh khoảng 7,6 m³/ngày.

+ Nguồn số 06: Nước thải phát sinh từ Phòng thí nghiệm, với lưu lượng phát sinh khoảng 0,5 m³/ngày.

Nước thải từ nguồn số 03, 04, 05 và 06 được thu gom về bể gom nước thải Nhà máy có thể tích khoảng 12 m³, sau đó bơm qua đường ống về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy để xử lý.

Các nguồn nước thải được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất thiết kế là 25 m³/ngày đêm. Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống xử lý nước thải tập trung đang hoạt động với quy trình như sau: Nước thải → Hồ thu

1495
IG TY
SEM H
CORPOR
:T NA
N-T-E

gom → Bể trung gian → Bể điều hoà → Bể trung hoà → Bể DAF → Bể MBBR → Bể lắng → Bể khử trùng → Hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Nam Tân Uyên.

Theo nội dung Giấy phép môi trường số 294/GPMT-BTNMT ngày 09 tháng 11 năm 2022, yêu cầu chất lượng nước thải đầu nối đáp ứng theo văn bản thoả thuận với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Nam Tân Uyên (Hợp đồng số 493/HĐXLNT/NTC-AMG ngày 14 tháng 9 năm 2009).

Công ty có lập nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Về bụi, khí thải:

+ Khí thải: Khí thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất nước tẩy rửa, vệ sinh nhà tắm (Line Liquid 1), công suất thiết kế là 7.500 m³/giờ. Khí thải phát sinh được thu gom về hệ thống xử lý hơi a xít và hoá chất. Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống xử lý hơi a xít và hoá chất đang hoạt động với quy trình như sau: Khí thải → Quạt ly tâm → Tháp hấp thụ hơi axit → Ống thải. Theo nội dung Giấy phép môi trường đã được phê duyệt, yêu cầu chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B ($K_p = 1,0$ và $K_v = 1,0$).

+ Bụi: Bụi phát sinh từ dây chuyền sản xuất bột vệ sinh hãm cầu (Line Booder 1), công suất thiết kế là 2.000 m³/giờ. Bụi phát sinh được thu gom về hệ thống xử lý bụi. Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống xử lý bụi đang hoạt động với quy trình như sau: Bụi → Quạt hút → Cyclon → Túi lọc bụi → Ống thải. Theo nội dung Giấy phép môi trường đã được phê duyệt, yêu cầu chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B ($K_p = 1,0$ và $K_v = 1,0$).

Công ty có lập nhật ký vận hành hệ thống xử lý khí thải.

- Về chất thải rắn:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Loại chất thải phát sinh gồm: Giấy, thức ăn thừa, vỏ hộp sữa, vỏ lon, đồ hộp...

Theo báo cáo công tác bảo vệ môi trường: Năm 2023, phát sinh với khối lượng 6,450 tấn, được Công ty chuyển giao cho Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Nam Tân Uyên để xử lý theo quy định (Hợp đồng số 050/HĐXLR-NTC-2022 ngày 04 tháng 5 năm 2022, hiệu lực Hợp đồng đến ngày 04/5/2024); năm 2024 phát sinh với khối lượng 06 tấn, được Công ty chuyển giao cho Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Nam Tân Uyên để xử lý theo quy định (Hợp đồng số 001-RSH/HĐ-KT/2024 ngày 04 tháng 5 năm 2024, hiệu lực Hợp đồng đến ngày 04/5/2026); từ tháng 1 đến 31/5/2025, phát sinh với khối lượng 03 tấn, được Công ty chuyển giao cho Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Nam Tân Uyên để xử lý theo quy định (Hợp đồng số 001-RSH/HĐ-KT/2024 ngày 04 tháng 5 năm 2024, hiệu lực Hợp đồng đến ngày 04/5/2026).

Tại thời điểm kiểm tra, chất thải sinh hoạt được Công ty bố trí thùng chứa có nắp đậy kín tại các vị trí phát sinh chất thải sinh hoạt.

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Theo báo cáo công tác bảo vệ môi trường: Năm 2023, phát sinh loại chất thải gồm: xà bần, kính vỡ, bao bì, giấy gỗ, pallet, chai lọ bằng nhựa và kim loại, sắt, thùng carton....với khối lượng 29.780.000 kg được Công ty chuyển giao cho Công ty TNHH TM-DV XLMT Việt Khai để xử lý theo quy định (Hợp đồng số 0110-2022/EART-VK/HĐXL ngày 05 tháng 10 năm 2022, hiệu lực Hợp đồng 1 năm; Hợp đồng số 0111/EART-VK/HĐXL ngày 01 tháng 11 năm 2023, hiệu lực của Hợp đồng là 1 năm), phát sinh loại chất thải là mỡ nhà ăn với khối lượng 3.580.000 kg được Công ty chuyển giao cho Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình dương để xử lý theo quy định (Hợp đồng số 2256-RCN/HĐ-KT/22 ngày 21 tháng 12 năm 2022, hiệu lực hợp đồng đến ngày 20 tháng 12 năm 2024). Năm 2024, phát sinh loại chất thải gồm: xà bần, kính vỡ, bao bì, giấy gỗ, pallet, chai lọ bằng nhựa và kim loại, sắt, thùng carton....với khối lượng 34.328.000 kg được Công ty chuyển giao cho Công ty TNHH TM-DV XLMT Việt Khai để xử lý theo quy định (Hợp đồng số 0111/EART-VK/HĐXL ngày 01 tháng 11 năm 2023, hiệu lực của Hợp đồng là 1 năm), phát sinh loại chất thải là mỡ nhà ăn với khối lượng 3.580.000 kg được Công ty chuyển giao cho Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình dương để xử lý theo quy định (Hợp đồng số 2256-RCN/HĐ-KT/22 ngày 21 tháng 12 năm 2022, hiệu lực hợp đồng đến ngày 20 tháng 12 năm 2024). Từ tháng 1 đến 31 tháng 5 năm 2025, phát sinh loại chất thải gồm: xà bần, kính vỡ, bao bì, giấy gỗ, pallet, chai lọ bằng nhựa và kim loại, sắt, thùng carton....với khối lượng 11,573 kg được Công ty chuyển giao cho Công ty TNHH MTV Môi trường xanh Huế Phương VN để xử lý theo quy định (Hợp đồng số HP181/24/HĐXLBD-EC ngày 11 tháng 11 năm 2024); phát sinh loại chất thải là mỡ nhà ăn với khối lượng 1.780 kg được Công ty chuyển giao cho Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình dương để xử lý theo quy định (Hợp đồng số 2848-RCN/HĐ-KT/24 ngày 20 tháng 12 năm 2024).

Tại thời điểm kiểm tra, chất thải rắn công nghiệp thông thường được Công ty thu gom và lưu giữ tại kho lưu giữ có diện tích khoảng 67 m² có nền chống thấm, tường bao, có mái che kín nắng mưa, có phân khu vực lưu chứa các loại chất thải.

Việc chuyển giao chất thải rắn công nghiệp thông thường có sử dụng biên bản bàn giao chất thải theo quy định.

+ Chất thải nguy hại (CTNH): Loại CTNH phát sinh gồm: Bao bì thải mềm, hoá chất phòng thí nghiệm, bóng đèn huỳnh quang thải, bóng đèn led thải, giẻ lau dính nhớt, hoá chất, dầu nhớt động cơ thải, bùn từ hệ thống XLNT, bao bì thải cứng bằng kim loại, bao bì thải cứng bằng nhựa, hộp mực in thải, hạt lọc gas, ắc quy thải.

Theo báo cáo công tác bảo vệ môi trường: Năm 2023, phát sinh với khối lượng 91.084 kg, được Công ty chuyển giao cho Công ty TNHH TM-DV XLMT Việt Khai để xử lý theo quy định (Hợp đồng số 0111/EART-VK/HĐXL ngày 01 tháng 11 năm 2023, hiệu lực của Hợp đồng là 1 năm); năm 2024 phát sinh với khối lượng 320.573 kg, được Công ty chuyển giao cho Công ty TNHH MTV Môi trường xanh Huế Phương VN để xử lý theo quy định (Hợp đồng số HP181/24/HĐXLBD-EC ngày 11 tháng 11 năm 2024, hiệu lực của Hợp đồng là 01 năm); từ tháng 1 đến

31 tháng 5 năm 2025, phát sinh với khối lượng 99,997 kg được Công ty chuyển giao cho Công ty TNHH MTV Môi trường xanh Huế Phương VN để xử lý theo quy định (Hợp đồng số HP181/24/HĐXLBD-EC ngày 11 tháng 11 năm 2024).

Tại thời điểm kiểm tra, chất thải nguy hại được Công ty lưu chứa trong các thùng chứa có nắp đậy, có dán mã CTNH; khu vực lưu giữ có diện tích khoảng 13 m² có tường bao, nền chấu thấm, mái che kín nắng mưa, có gờ chắn, có rãnh thu gom và hố thu trong trường hợp xảy ra sự cố rò rỉ chất thải lỏng, có vật liệu (cát) và xèng, có dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

Việc chuyển giao CTNH có sử dụng chứng từ CTNH theo quy định.

4. Việc chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường khác

Theo nội dung Giấy phép môi trường đã được phê duyệt, Công ty không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc định kỳ, quan trắc tự động liên tục đối với nước thải, khí thải.

- Về thực hiện nghĩa vụ tài chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường: Công ty đã đóng phí bảo vệ môi trường đối với khí thải năm 2025 với số tiền là 2.750.000 đồng.

- Về công khai thông tin môi trường: Công ty đã công khai thông tin, dữ liệu về môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh tại cổng thông tin điện tử của Công ty là <https://earth-vn.com/truyen-thong/kq-ql-earth-corporation>.

- Về lập kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường: Công ty đã lập Kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường và công khai theo quy định.

5. Việc lấy, đo đạc mẫu môi trường

Đoàn kiểm tra đã tiến hành lấy 02 mẫu nước thải sau hệ thống xử lý nước thải và 01 mẫu khí thải (Có biên bản lấy mẫu kèm theo). Kết quả phân tích cho thấy, các thông số nằm trong giới hạn cho phép.

6. Nhận xét ban đầu của Đoàn Kiểm tra

Công ty đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường; đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm; sử dụng biên bản bàn giao chất thải rắn công nghiệp thông thường, bộ chứng từ chất thải nguy hại; công khai thông tin và nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải theo quy định.

7. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với Công ty

Trong quá trình hoạt động, yêu cầu Công ty thực hiện đúng các nội dung trong giấy phép môi trường đã được cấp, trường hợp có sự thay đổi, điều chỉnh so với nội dung của giấy phép môi trường, đề xuất cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh cho phù hợp; thực hiện công tác quản lý môi trường theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025) của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

8. Ý kiến của Công ty

Công ty thống nhất với nội dung của Đoàn kiểm tra.



Việc kiểm tra kết thúc vào 15 giờ 30 phút ngày 14 tháng 7 năm 2025. Biên bản được đọc lại cho những người có tên nêu trên nghe và ký xác nhận. Biên bản được lập thành 04 bản có giá trị như nhau, Đoàn Kiểm tra giữ 02 bản, Công ty giữ 01 bản, đơn vị tham gia 01 bản để thực hiện./.



**ĐOÀN KIỂM TRA
TRƯỞNG ĐOÀN**

Lê Hồng Dương

Số: 44 /TB-MT

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2025

THÔNG BÁO

Kết quả kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với Công ty TNHH Earth Corporation Việt Nam

Thực hiện Quyết định số 434/QĐ-MT ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Cục trưởng Cục Môi trường về kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Dương (đợt 1), từ ngày 09 tháng 6 năm 2025 đến ngày 14 tháng 7 năm 2025, Đoàn kiểm tra theo Quyết định nêu trên đã tiến hành kiểm tra Nhà máy sản xuất chất tẩy rửa của Công ty TNHH Earth Corporation Việt Nam (sau đây gọi là Công ty), có địa chỉ tại Lô C6 đường N3, Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương).

Xét Báo cáo số 01/BC-ĐKTr ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Trưởng đoàn kiểm tra, Cục Môi trường thông báo kết quả kiểm tra như sau:

1. Khái quát chung

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700728495 cấp lần đầu ngày 28 tháng 7 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 08 tháng 12 năm 2023 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp; đi vào hoạt động chính thức từ tháng 10 năm 2007; diện tích: 14.000 m²; tổng số lượng nhân viên 270 người; loại hình: Sản xuất chất tẩy rửa, chất diệt côn trùng, thiết bị cho việc phun, làm phân tán chất lỏng hoặc bột, sản xuất máy hoá lỏng khí và gas, máy cung cấp gas, sản phẩm diệt muỗi, sản phẩm tạo mùi thơm có công suất 80.000 tấn/năm với quy trình công nghệ sản xuất như sau: Nguyên liệu đầu vào → Phối trộn → Chứa → Chiết nạp → Đóng gói → Thành phẩm. Công suất năm 2023 là 32.267 tấn, năm 2024 là 30.943 tấn/năm, từ tháng 01 đến 31/5/2025 là 14.300 tấn/năm. Lượng nước sử dụng trung bình khoảng 120 m³/ngày đêm từ nguồn nước cấp của Khu công nghiệp Nam Tân Uyên.

2. Kết quả kiểm tra

Ngày 09 tháng 11 năm 2022, Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) cấp Giấy phép môi trường số 294/GPMT-BTNMT cho dự án đầu tư "Nhà máy sản xuất Công ty TNHH Earth Corporation Việt Nam - Công suất 80.000 tấn/năm" của Công ty.

Công ty đã thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ và lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023, 2024 gửi các cơ quan nhà nước có thẩm quyền (được cơ quan nhà nước đóng dấu tiếp nhận tại báo cáo); đã công khai thông tin môi trường tại cổng thông tin điện tử của <https://earth-vn.com/truyen-thong/kq-ql-earth-corporation>; đã thực hiện nghĩa vụ tài chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đối với khí thải; đã ban hành, công khai kế



hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định.

Trong quá trình hoạt động, Công ty phát sinh các loại chất thải và đã thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường như sau:

- *Về nước thải:* Công ty đã có hệ thống thu gom nước thải tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 7,2 m³/ngày đêm được thu gom vào bể tự hoại 03 ngăn sau đó theo đường ống về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy để xử lý.

Nước thải sản xuất phát sinh khoảng 8,2 m³/ngày đêm được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy để xử lý.

Hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất thiết kế là 25 m³/ngày đêm với quy trình xử lý như sau: Nước thải → Hồ thu gom → Bể trung gian → Bể điều hoà → Bể trung hoà → Bể DAF → Bể MBBR → Bể lắng → Bể khử trùng → Hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Nam Tân Uyên. Theo nội dung Giấy phép môi trường số 294/GPMT-BTNMT ngày 09 tháng 11 năm 2022, yêu cầu chất lượng nước thải đầu nối đáp ứng theo văn bản thoả thuận với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Nam Tân Uyên (Hợp đồng số 493/HĐXLNT/NTC-AMG ngày 14 tháng 9 năm 2009). Công ty đã lập nhật ký vận hành, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị hệ thống xử lý nước thải.

- *Về bụi, khí thải:*

Khí thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất nước tẩy rửa, vệ sinh nhà tắm (Line Liquid 1), công suất thiết kế là 7.500 m³/giờ. Khí thải phát sinh được thu gom về hệ thống xử lý hơi a xít và hoá chất với quy trình như sau: Khí thải → Quạt ly tâm → Tháp hấp thụ hơi axit → Ống thải. Theo nội dung Giấy phép môi trường đã được phê duyệt, yêu cầu chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B ($K_p = 1,0$ và $K_v = 1,0$).

Bụi phát sinh từ dây chuyền sản xuất bột vệ sinh hãm cầu (Line Booder 1), công suất thiết kế là 2.000 m³/giờ. Bụi phát sinh được thu gom về hệ thống xử lý bụi với quy trình như sau: Bụi → Quạt hút → Cyclon → Túi lọc bụi → Ống thải. Theo nội dung Giấy phép môi trường đã được phê duyệt, yêu cầu chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B ($K_p = 1,0$ và $K_v = 1,0$).

Công ty đã lập nhật ký vận hành, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị hệ thống xử lý khí thải.

- *Về chất thải rắn:*

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong năm 2023 là 6,450 tấn; năm 2024 là 06 tấn; từ tháng 01 đến 31/5/2025 là 03 tấn được Công ty chuyển giao cho Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Nam Tân Uyên để xử lý theo các Hợp đồng số 050/HĐXLR-NTC-2022 ngày 04 tháng 5 năm 2022, Hợp đồng số 001-RSH/HĐ-KT/2024 ngày 04 tháng 5 năm 2024, hiệu lực Hợp đồng đến ngày 04 tháng 5 năm 2026.

Tại thời điểm kiểm tra, chất thải rắn sinh hoạt được Công ty phân loại, thu gom, lưu giữ trong các thùng chứa có nắp đậy kín tại các vị trí phát sinh chất thải rắn sinh hoạt.

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường: Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong năm 2023 là 29.780.000 kg; năm 2024 là 34.328.000 kg; từ tháng 01 đến 31 tháng 5 năm 2025 là 11.573 kg được Công ty chuyển giao cho Công ty TNHH TM-DV XLMT Việt Khải (Hợp đồng số 0110-2022/EART-VK/HĐXL ngày 05 tháng 10 năm 2022, Hợp đồng số 0111/EART-VK/HĐXL ngày 01 tháng 11 năm 2023, Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương (Hợp đồng số 2256-RCN/HĐ-KT/22 ngày 21 tháng 12 năm 2022, Hợp đồng số 2848-RCN/HĐ-KT/24 ngày 20 tháng 12 năm 2024), Công ty TNHH MTV Môi trường xanh Huế Phương VN (Hợp đồng số HP181/24/HĐXLBD-EC ngày 11 tháng 11 năm 2024) để xử lý; việc chuyển giao chất thải rắn công nghiệp thông thường có sử dụng biên bản bàn giao chất thải theo quy định.

Tại thời điểm kiểm tra, chất thải rắn công nghiệp thông thường được Công ty phân loại, thu gom, lưu giữ trong các thùng chứa có nắp đậy tại kho lưu giữ có diện tích khoảng 67 m² có nền chống thấm, tường bao, có mái che kín nắng mưa, có phân khu vực lưu chứa các loại chất thải.

+ Chất thải nguy hại (CTNH): Công ty phát sinh các loại CTNH theo danh mục đã đăng ký phát sinh gồm: Bao bì thải mềm, hoá chất phòng thí nghiệm, bóng đèn huỳnh quang thải, bóng đèn led thải, giẻ lau dính nhớt, hoá chất, dầu nhớt động cơ thải, bùn từ hệ thống xử lý nước thải, bao bì thải cứng bằng kim loại, bao bì thải cứng bằng nhựa, hộp mực in thải, hạt lọc gas, ắc quy thải.

Khối lượng CTNH phát sinh trong năm 2023 là 91.084 kg; năm 2024 là 320.573 kg; từ tháng 01 đến 31 tháng 5 năm 2025 là 99.997 kg được Công ty chuyển giao cho Công ty TNHH TM-DV XLMT Việt Khải, Công ty TNHH MTV Môi trường xanh Huế Phương VN để xử lý; việc chuyển giao CTNH có sử dụng chứng từ CTNH theo quy định.

Tại thời điểm kiểm tra, chất thải nguy hại được Công ty phân loại, thu gom, lưu giữ trong các thùng chứa có nắp đậy, có dán mã CTNH; khu vực lưu giữ có diện tích khoảng 13 m² có tường bao, nền chống thấm, mái che kín nắng mưa, có gờ chắn, có rãnh thu gom và hố thu trong trường hợp xảy ra sự cố rò rỉ chất thải lỏng, có vật liệu (cát) và xèng, có dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

- Kết quả phân tích, đánh giá mẫu chất thải:

+ Kết quả đo đạc và phân tích mẫu nước thải sau hệ thống xử lý nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Nam Tân Uyên (lấy mẫu ngày 09 tháng 6 năm 2025; ngày 16 tháng 6 năm 2025) so sánh với tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Nam Tân Uyên cho thấy các thông số được phân tích đạt giới hạn cho phép.

+ Kết quả đo đạc và phân tích mẫu khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý hơi axit (lấy mẫu ngày 16 tháng 6 năm 2025) so sánh với QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B, K_p = 1,0 và K_v = 1,0) cho thấy các thông số được phân tích đạt giới hạn cho phép.

3. Kết luận

Công ty đã được cấp giấy phép môi trường; đã ban hành, công khai kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường; đã thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ và lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm; đã có biện pháp thu gom, xử lý nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Nam Tân Uyên; đã có biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải trước khi thải ra ngoài môi trường; đã có biện pháp thu gom, phân loại, lưu giữ, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý; đã công khai thông tin và nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải.

4. Các yêu cầu đối với Công ty

Trong quá trình hoạt động, Công ty phải thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường đã được quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025) của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025) của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; thu gom, quản lý chất thải phát sinh theo quy định.

Yêu cầu Công ty nghiêm túc thực hiện Thông báo này./.

Nơi nhận:

- Thứ trưởng Lê Công Thành (để báo cáo);
- Cục trưởng Hoàng Văn Thúc (để báo cáo);
- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (để phối hợp);
- Văn phòng Bộ (để theo dõi);
- Sở NN&MT, Công an, BQL các KCX và CN Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công ty TNHH Earth Corporation Việt Nam (để thực hiện);
- Lưu: VT, ĐKTr, CSPC, MTMN, (Ng).

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Hồ Kiên Trung





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefineas@gmail.com

Số PKQ: 05066/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1702.NT1
---------------------------	---	-----------------------------

Đơn vị đề nghị lấy mẫu : **ĐOÀN KIỂM TRA THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 434/QĐ-MT NGÀY 05/06/2025** Ngày lấy mẫu : 09/06/2025

Đơn vị được lấy mẫu : **CÔNG TY TNHH EARTH CORPORATION VIỆT NAM** Loại mẫu : Nước thải
Lô C6, đường N3, Khu công nghiệp Nam Tân Uyên,
Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

Vị trí lấy mẫu : NT-EC 14h30 tại miệng ống xả nước thải vào hồ ga trước khi đầu nổi vào công thu gom của khu công nghiệp, hệ thống xử lý nước thải có công suất: 25 m³/ngày.
Tọa độ: X:1222762; Y: 608508

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT Cột B	Số lần vượt
				25.1702.NT1		
1	Nhiệt độ ^(a)	°C	SMEWW 2550B:2023	30,8	40	-
2	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,71	5,5 + 9	-
3	Độ màu ^(b)	Pt-Co	SMEWW 2120C:2023	13	150	-
4	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	14	50	-
5	Nhu cầu oxy hóa học (COD) ^(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	41	150	-
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	14	100	-
7	Asen (As) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,1	-
8	Thủy ngân (Hg) ^(b)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	KPH (LOD=0,0003)	0,01	-
9	Chì (Pb) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,5	-
10	Cadimi (Cd) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,0002)	0,1	-
11	Crôm III (Cr ³⁺) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023 SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH (LOD=0,003)	1	-
12	Crôm VI (Cr ⁶⁺) ^(b)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH (LOD=0,003)	0,1	-
13	Mangan (Mn) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,074	1	-
14	Đồng (Cu) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,03)	2	-
15	Kẽm (Zn) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,110	3	-
16	Niken (Ni) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,03)	0,5	-
17	Sắt (Fe) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,163	5	-
18	Xyanua (CN) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-CN.C&E:2023	KPH (LOD=0,002)	0,1	-





**VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)**

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT Cột B	Số lần vượt
				25.1702.NT1		
19	Tổng phenol ^(b)	mg/L	TCVN 6216:1996	0,003	0,5	-
20	Dầu mỡ khoáng ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (LOD=1,0)	10	-
21	Sulfua (S ²⁻) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	KPH (LOD=0,02)	0,5	-
22	Florua (F ⁻) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2023	0,05	10	-
23	Clorua (Cl ⁻) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2023	133,9	1.000	-
24	Clo dư ^(b)	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,07	2	-
25	Hóa chất BVTV clo hữu cơ ^(b)	mg/L	US EPA 3510C US EPA 3620C US EPA 8270E	KPH (LOD=0,00002)	0,1	-
26	Hóa chất BVTV phospho hữu cơ ^(b)	mg/L	US EPA 3510C US EPA 3620C US EPA 8270E	KPH (LOD=0,00015)	1	-
27	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₄ .B&C:2023	3,5	10	-
28	Tổng Nitơ ^(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	6,2	40	-
29	Tổng Photpho ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,08	6	-
30	Polyclo biphenyl (PCB) ^(b)	mg/L	US EPA 3510C US EPA 3630C US EPA 3665A US EPA 8270E	KPH (LOD=0,0001)	0,01	-
31	Tổng hoạt độ phóng xạ α ^(b)	Bq/L	TCVN 6053:2011	KPH (LOD=0,01)	0,1	-
32	Tổng hoạt độ phóng xạ β ^(b)	Bq/L	TCVN 6219:2011	KPH (LOD=0,3)	1,0	-
33	Tổng Coliform ^(b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	20	5.000	-

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, Cột B;
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ tại thời điểm đo;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra;
- PCB bao gồm: PCB 28, PCB 52, PCB 101, PCB 118, PCB 138, PCB 153, PCB 180;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 06 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

KS. Trần Thị Phương Linh

Trưởng phòng PTN

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketqua@fineu@gmail.com

Số PKQ: 05374/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1886.KT1
---------------------------	---	-----------------------------

Đơn vị đề nghị lấy mẫu : ĐOÀN KIỂM TRA THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 434/QĐ-MT NGÀY 05/06/2025 Ngày lấy mẫu : 16/06/2025

Đơn vị được lấy mẫu : CÔNG TY TNHH EARTH CORPORATION VIỆT NAM Lô C6, đường N3, Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : KT - EC - 15h10 - Tại ống thoát khí thải đầu ra sau xử lý của hệ thống xử lý hơi axit. Lưu lượng xả thải lớn nhất 7.500m³/giờ. Tọa độ: X:1222768; Y:608528 Hệ thống xử lý hoạt động ổn định

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN	Số lần vượt
				25.1886.KT1	19:2009/BTNMT Cột B Kp=1.1 và Kv=1.0	
1	Lưu lượng ^m	Nm ³ /h	US EPA 02	5.143	-	-
2	HCP ^m	mg/Nm ³	US EPA 26A	0.37	55	-

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=1.1 và Kv=1.0;
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ tại thời điểm đo;
- Đồng tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 06 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

KS. Trần Thị Phương Linh

Trưởng phòng PTN

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiến



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VINCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinca@gmail.com

Số PKQ: 05373/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1886.NT1
---------------------------	---	-----------------------------

Đơn vị đề nghị : **ĐOÀN KIỂM TRA THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 434/QĐ-MT** Ngày lấy mẫu : 16/06/2025
lấy mẫu **NGÀY 05/06/2025**

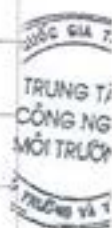
Đơn vị được : **CÔNG TY TNHH EARTH CORPORATION VIỆT NAM** Loại mẫu : Nước thải
lấy mẫu **Lô C6, đường N3, Khu công nghiệp Nam Tân Uyên,**
Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

Vị trí lấy mẫu : **NT-EC 14h30 tại miệng ống xả nước thải vào hồ ga trước khi đầu nối vào cống thu gom của khu**
công nghiệp, hệ thống xử lý nước thải có công suất: 25 m³/ngày
Tọa độ: X:1222762; Y: 608508

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT Cột B	Số lần vượt
				25.1886.NT1		
1	Nhiệt độ ^(h)	°C	SMEWW 2550B:2023	31,3	40	-
2	pH ^(h)	-	TCVN 6492:2011	7,98	5,5 + 9	-
3	Độ màu ^(h)	Pt-Co	SMEWW 2120C:2023	11	150	-
4	BOD ₅ (20°C) ^(h)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	7	50	-
5	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ^(h)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	22	150	-
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(h)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	7	100	-
7	Asen (As) ^(h)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,1	-
8	Thủy ngân (Hg) ^(h)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	KPH (LOD=0,0003)	0,01	-
9	Chì (Pb) ^(h)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,5	-
10	Cadimi (Cd) ^(h)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,0002)	0,1	-
11	Crôm III (Cr ³⁺) ^(h)	mg/L	SMEWW 3113B:2023 SMEWW 3500- Cr.B:2023	KPH (LOD=0,003)	1	-
12	Crôm VI (Cr ⁶⁺) ^(h)	mg/L	SMEWW 3500- Cr.B:2023	KPH (LOD=0,003)	0,1	-



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT Cột B	Số lần vượt
				25.1886.NT1		
13	Mangan (Mn) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,041	1	-
14	Đồng (Cu) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,03)	2	-
15	Kẽm (Zn) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,03)	3	-
16	Niken (Ni) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,03)	0,5	-
17	Sắt (Fe) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,05)	5	-
18	Xyanua (CN) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500- CN.C&E:2023	KPH (LOD=0,002)	0,1	-
19	Tổng phenol ^(b)	mg/L	TCVN 6216:1996	KPH (LOD=0,003)	0,5	-
20	Dầu mỡ khoáng ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (LOD=1,0)	10	-
21	Sulfua (S ²⁻) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	KPH (LOD=0,02)	0,5	-
22	Florua (F ⁻) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2023	0,15	10	-
23	Clorua (Cl ⁻) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2023	20,1	1.000	-
24	Clo dư ^(b)	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,089	2	-
25	Hóa chất BVTV clo hữu cơ ^(b)	mg/L	US EPA 3510C US EPA 3620C US EPA 8270E	KPH (LOD=0,00002)	0,1	-
26	Hóa chất BVTV phospho hữu cơ ^(b)	mg/L	US EPA 3510C US EPA 3620C US EPA 8270E	KPH (LOD=0,00015)	1	-
27	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500- NH ₄ .B&C:2023	1,1	10	-
28	Tổng Nitơ ^(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	5,1	40	-
29	Tổng Photpho ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,11	6	-
30	Polyclo biphenyl (PCB) ^(b)	mg/L	US EPA 3510C US EPA 3630C US EPA 3665A US EPA 8270E	KPH (LOD=0,0001)	0,01	-
31	Tổng hoạt độ phóng xạ α ^(b)	Bq/L	TCVN 6053:2011	KPH (LOD=0,01)	0,1	-





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VICERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT Cột B	Số lần vượt
				25.1836.NT1		
32	Tổng hoạt độ phóng xạ β^{230}	Bq/L	TCVN 6219:2011	KPH (LOD=0,3)	1,0	-
33	Tổng Coliform ⁽²⁾	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	KPH (LOD=2)	5.000	-

Ghi chú:

- (b) Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VICERTS 077);
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, Cột B;
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm đo;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu của Đơn vị kiểm tra;
- PCB bao gồm: PCB 28, PCB 52, PCB 101, PCB 118, PCB 138, PCB 153, PCB 180;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 06 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

KS. Trần Thị Phương Linh

Trưởng phòng PTN

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc

TS. Nguyễn Như Hiền



Số: 2025.774/KQ-EUC

Ngày 10 tháng 04 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Theo kế hoạch lấy mẫu số: 25.03.28-11M

- 1. Tên khách hàng: CÔNG TY TNHH EARTH CORPORATION VIỆT NAM
Địa điểm lấy mẫu: Lô C6 đường N3, Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2. Tình trạng mẫu: Mẫu được bảo quản tại hiện trường
3. Ngày nhận mẫu: 28/03/2025
4. Thời gian thử nghiệm: 28/03/2025 - 08/04/2025
5. Kết quả thử nghiệm:

5.1. Kết quả thử nghiệm nước thải: 2503.292NT- Đầu ra hệ thống xử lý nước

Phương pháp lấy và bảo quản mẫu: TCVN 5999:1995;TCVN 6663-14:2018 ;TCVN 6663-3:2016;TCVN 6663-1:2011; TCVN 8880:2011
Kết quả thử nghiệm:

Table with 7 columns: Stt, Thông số, Đơn vị, Phương pháp thử nghiệm, Giới hạn phát hiện MDL, Kết quả thử nghiệm, QCVN 40:2011/BTNMT CỘT B. Contains 10 rows of water quality test results.

5.2. Kết quả thử nghiệm không khí xung quanh

Phương pháp thử nghiệm:

Table with 5 columns: Stt, Thông số, Đơn vị, Phương pháp lấy mẫu/ thử nghiệm, Giới hạn phát hiện MDL/ phạm vi đo. Contains 2 rows of air quality test results.

Kết quả thử nghiệm:

Table with 4 columns: Mã số mẫu, Vị trí lấy mẫu, Kết quả thử nghiệm (Độ ồn (dBA), VOC (Xylen) (µg/Nm³)). Contains 4 rows of noise and air quality test results.

**5.3. Kết quả thử nghiệm khí thải**

Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp lấy mẫu/ thử nghiệm	Giới hạn phát hiện MDL/ phạm vi đo
1.	HCl ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	0,05
2.	Lưu lượng ^(b)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	0 - 900.000
3.	Bụi tổng ^(c)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	10,5

Kết quả thử nghiệm:

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Kết quả thử nghiệm		
		Lưu lượng Nm ³ /h	Bụi tổng (mg/Nm ³)	HCl
2503.292KT	Ông khối lò hơi	2.365	51	0,21
QCVN 19:2009/BTNMT				
(Giá trị giới hạn B) $P \leq 20.000$; $C_{max} = C \times K_p \times K_v$; $K_p=1$ và $K_v=1$			200	50

- Ghi chú:**
- ^(a): Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;
 - ^(b): Thông số được công nhận ISO/IEC 17025:2017 mã số VLAT - 1.0215
 - ^(c): Thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ - Vimcerts 304
 - (-): Không quy định;
 - (-/-): Không thực hiện;
 - KPH: Không phát hiện, kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp;
 - Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử tại thời điểm lấy đo đạc;
 - Thời gian lưu mẫu: 5 ngày (mẫu nước) kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, Công ty TNHH E.U.C không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;
 - Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

PHÒNG THÍ NGHIỆM

NGUYỄN THỊ THANH XUÂN



NGUYỄN HIẾN THUẬN

EUC



Số: 2025.075/KQ-MTLD

Ngày 15 tháng 04 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Theo kế hoạch lấy mẫu số: 25.03.27-9T

- 1. Tên khách hàng: CÔNG TY TNHH EARTH CORPORATION VIỆT NAM
Địa điểm lấy mẫu: Lô C6 đường N3, Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
2. Loại mẫu: Không khí
3. Ngày lấy mẫu: 28/03/2025
4. Thời gian thử nghiệm: 28/03/2025 - 08/04/2025
5. Phương pháp thử nghiệm:

Table with 5 columns: Stt, Thông số, Đơn vị, Phương pháp lấy mẫu/ thử nghiệm, Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo. Rows include parameters like Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Ánh sáng, Tiếng ồn, Bụi tổng, CO, SO2, NO2, HCl.

6. Kết quả thử nghiệm:

Main results table with columns: Mã số mẫu, Vị trí lấy mẫu, and various environmental parameters (Nhiệt độ, Độ ẩm, Ánh sáng, etc.) with their measured values.

Chú thích:
- (*) Thông số được Bộ Y Tế công nhận theo ND 44/2016/NĐ-CP.
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy.
- (-): Không quy định.
- (-/-): Không thực hiện.
- Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phiên bản lần 2. Bộ sang thông tin kết quả thay thế phiên bản lần 1 ngày 10/04/2025.

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Handwritten signature of Nguyễn Thị Thanh Xuân.

NGUYỄN THỊ THANH XUÂN



GIÁM ĐỐC

Handwritten signature of Nguyễn Hiền Thuận.

NGUYỄN HIỀN THUẬN



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

Web: www.nguyengiaentech.com Email: nguyengia.ena@gmail.com

Hotline: 0338572255

VIMCERTS_251

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Testing Results

Số/No.: 02063/2025/PKQ (E.U.C/25.624)

I. THÔNG TIN DO KHÁCH HÀNG CUNG CẤP – Information supplied by the client

Khách hàng - Client	: CÔNG TY TNHH E.U.C
Địa chỉ - Address	: 41/24 Lê Hồng Phong, khu phố 4, phường Phú Lợi, TP Thủ Dầu Một, Bình Dương
Địa điểm lấy mẫu - Sampling site:	Mẫu do khách hàng gửi đến
Loại mẫu - Type of Sample:	Nước thải
Ngày nhận mẫu - Sample receiving date:	03/04/2025

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

Ngày thí nghiệm - Testing date: 04/04/2025 – 10/04/2025

Ngày trả kết quả - Results date: 11/04/2025

STT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing methods	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện MQL	Kết quả Testing results
					2503.296NT
1	Tổng hoạt độ phóng xạ α	TCVN 6053:1995	Bq/L	0,02	KPH
2	Tổng hoạt độ phóng xạ β	TCVN 6219:2011	Bq/L	0,3	KPH

Ghi chú – Remark:

- 2503.296NT: NG.WW.030425.02335; -
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng;
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do Phòng Kỹ thuật & Dịch vụ môi trường lấy về;
- Quá thời hạn lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng), Công ty CP Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia không giải quyết việc khiếu nại.

Quản lý chất lượng
QA/QC

Phạm Thị Vi

Trưởng phòng phân tích
Supervised by

Vũ Thị Thanh Nga



Ngày 15 tháng 04 năm 2025

Giám đốc
Director

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Bảo Ngọc



PHIẾU YÊU CẦU PHÂN TÍCH MẪU

1. Khách hàng:

Tên cơ quan yêu cầu: CÔNG TY TNHH E.U.C

Địa chỉ: 41/24 Lê Hồng Phong, Khu phố 4, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương

2. Cơ quan tiếp nhận yêu cầu:

Tên đơn vị: Công Ty Cổ Phần Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia

Địa chỉ: Số 02-D47, Khu D, KĐT Mới Geleximco, đường Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội

Tên người tiếp nhận: Hạnh Phương

3. Thông tin mẫu:

Số lượng mẫu: 1

Ký hiệu: như bảng kê bên dưới

NỘI DUNG YÊU CẦU PHÂN TÍCH:

STT	Ký hiệu mẫu	Tình trạng mẫu	Loại mẫu	Thông số phân tích	Ghi chú
1	2503.296NT	Mẫu được bảo quản trong chai kín	Nước ngầm Nước thải	Tổng hoạt động alpha α, Tổng hoạt động alpha β	
2					
3					
4					
5					
6					
7					

Thời hạn yêu cầu cấp kết quả phân tích: Dự kiến 10-12 ngày

Lưu mẫu:

Có

Không

Sử dụng nhà thầu phụ:

Có

Không

Số phiếu kết quả cần cấp: 4

Người gửi yêu cầu
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Thanh Xuân

Hà Nội, ngày 3 tháng 4 năm 2023

Người tiếp nhận
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Hạnh Phương



Số: 2025.1434/KQ-EUC

Ngày 25 tháng 06 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Theo kế hoạch lấy mẫu số: 25.06.06-2V/HT-EUC

- Tên khách hàng:** CÔNG TY TNHH EARTH CORPORATION VIỆT NAM
Địa điểm lấy mẫu: Lô C6 đường N3, Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
- Tình trạng mẫu:** Mẫu được bảo quản tại hiện trường
- Ngày nhận mẫu:** 06/06/2025
- Thời gian thử nghiệm:** 06/06/2025 – 20/06/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

5.1. Kết quả thử nghiệm nước thải: 2506.061NT- Đầu ra hệ thống xử lý nước

Phương pháp lấy và bảo quản mẫu: TCVN 5999:1995; TCVN 6663-14:2018; TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-1:2011; TCVN 8880:2011

Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện	Kết quả thử nghiệm	QCVN 40: 2011/BTNMT CQT B
					2506.061NT	
1.	pH ⁽¹⁾⁽²⁾	-	TCVN 6492: 2011	-	7,36	5 – 10
2.	TSS ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 2540D:2017	3,0	23	200
3.	BOD ₅ ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 6001-1:2008	1,0	29	200
4.	COD ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 5220.C:2017	3,0	77	400
5.	TN ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 6638:2000	3,0	29,42	40
6.	TP ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 4500- P.B&E:2017	0,1	KPH	8
7.	NH ₄ ⁺ -N ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 5988:1995	1,0	23,48	10
8.	Dầu mỡ khoáng ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	0,3	4,2	10
9.	Chất hoạt động bề mặt ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 5540 B&C:2017	0,03	0,134	-
10.	Coliform ⁽¹⁾	MPN/ 100 ml	SMEWW 9221B: 2017	3,0	400	10.000

5.2. Kết quả thử nghiệm khí thải

Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp lấy mẫu/ thử nghiệm	Giới hạn phát hiện/ phạm vi đo
1.	Lưu lượng ⁽¹⁾	Nm ³ /h	US EPA Method 2	0 - 900.000
2.	Bụi tổng ⁽¹⁾	mg/Nm ³	US EPA Method 5	10,5
3.	HCl ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	0,05



CÔNG TY TNHH E.U.C



Địa Chỉ: Số 41/24 Lê Hồng Phong, Phường Phú Lợi, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
CN Đà Nẵng: Số 80 Phạm Hữu Kính, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành Phố Đà Nẵng
VP Hà Nội: Số 2 Ngõ 87/6 Phố Trường Lâm, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành Phố Hà Nội
Hotline: 0933.42.52.39 Email: eucvina@gmail.com Website: www.eucvina.com

Kết quả thử nghiệm:

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Kết quả thử nghiệm		
		Lưu lượng	Bụi tổng	HCl
		(Nm ³ /h)	(mg/Nm ³)	
2506.061KT	Ống khói lò hơi	3.305	56	0,62
QCVN 19:2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B) $P \leq 20.000$; $C_{max} = C \times K_p \times K_v$; $K_p=1$ và $K_v=1$		-	200	50

- Ghi chú:*
- ¹⁰: Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;
 - ¹²: Thông số được công nhận ISO/IEC 17025:2017 mã số V/LAT-1.0215;
 - ²⁰: Thông số được thực hiện bên nhà thầu phụ - Vincerts 304;
 - (-): Không quy định;
 - (-): Không thực hiện;
 - KPH: Không phát hiện, kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp;
 - Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử tại thời điểm lấy/ đo đạc.
 - Thời gian lưu mẫu: 5 ngày (mẫu nước) kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, Công ty TNHH E.U.C không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
 - Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



PHÒNG THÍ NGHIỆM

NGUYỄN THỊ THANH XUÂN



GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HIẾN THUẬN

EUC



Số: 2025.227/KQ-MTLĐ

Ngày 25 tháng 06 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Theo kế hoạch lấy mẫu số: 25.06.06-2V/HT-EUC

- | | |
|----------------------------|---|
| 1. Tên khách hàng: | CÔNG TY TNHH EARTH CORPORATION VIỆT NAM |
| Địa điểm lấy mẫu: | Lô C6 đường N3, Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. |
| 2. Loại mẫu: | Không khí môi trường lao động |
| 3. Ngày lấy mẫu: | 06/06/2025 |
| 4. Thời gian thử nghiệm: | 06/06/2025 – 20/06/2025 |
| 5. Phương pháp thử nghiệm: | |

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp lấy mẫu/ thử nghiệm	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1.	Nhiệt độ ⁽¹⁾	°C	TCVN 5508:2009	-25,3-50
2.	Độ ẩm ⁽¹⁾	%	TCVN 5508:2009	0-100
3.	Tốc độ gió ⁽¹⁾	m/s	TCVN 5508:2009	0,01-25
4.	Ánh sáng ⁽¹⁾	lux	TCVN 7114 - 1	0-20.000
5.	Tiếng ồn ⁽¹⁾	dBA	TCVN 9799:2013	20-140
6.	Bụi tổng ⁽¹⁾	mg/m ³	QCVN 02:2019/BYT - Phụ lục 1	0,055
7.	CO ⁽¹⁾	mg/m ³	QCVN 03:2019/BYT - Phụ lục 14	0,5
8.	SO ₂ ⁽¹⁾	mg/m ³	QCVN 03:2019/BYT - Phụ lục 44	0,025
9.	NO ₂ ⁽¹⁾	mg/m ³	QCVN 03:2019/BYT - Phụ lục 37	0,025
10.	HCl ⁽¹⁾	mg/m ³	QCVN 03:2019/BYT Phụ lục 3	0,10

6. Kết quả thử nghiệm:

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Kết quả thử nghiệm									
		Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Ánh sáng (lux)	Tốc độ gió (m/s)	Độ ồn (dBA)	Bụi (mg/m ³)	CO	SO ₂	NO ₂	HCl
2506.061 KKNX -01	Khu Vực Lễ Tân	31,6	71,0	584	0,3	71,2	0,247	7,41	KPH	KPH	--
2506.061 KKNX -02	Khu Vực Thành Phẩm	31,6	72,2	671	0,3	78,7	0,237	6,17	KPH	KPH	KPH
2506.061 KKNX -03	Khu Vực Bao Bì	31,2	72,0	508	0,2	80,3	0,375	7,23	KPH	KPH	KPH
2506.061 KKNX -04	Khu Vực Tây Nhà Tắm	31,8	74,3	517	0,2	79,6	0,317	5,69	KPH	KPH	KPH
2506.061 KKNX -05	Khu Vực Đóng Gói	31,8	68,1	445	0,3	80,2	0,145	4,51	KPH	KPH	KPH
2506.061 KKNX -06	Khu Vực Xưởng AEROSOL	28,5	57,6	648	0,2	61,2	0,193	4,12	KPH	KPH	KPH
QCVN 26:2016/BYT		18 - 32	40 - 80	-	0,1 - 1,5	-	-	-	-	-	-
QCVN 22:2016/BYT		-	-	≥ 200	-	-	-	-	-	-	-
QCVN 24:2016/BYT		-	-	-	-	≤ 85	-	-	-	-	-
QCVN 02:2019/BYT		-	-	-	-	-	8	-	-	-	-
QCVN 03:2019/BYT		-	-	-	-	-	-	40	10	10	7,5

Ghi chú:
 -⁽¹⁾: Thông số được Bộ Y Tế công nhận theo ND 44/2016 ND-CP.
 - Kết quả chỉ có giá trị đầu vào mẫu tại thời điểm lấy, đo đạc.
 - (-): Không quy định.
 - (-/-): Không thực hiện.
 - Các dữ liệu thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

PHÒNG THÍ NGHIỆM

NGUYỄN THỊ THANH XUÂN



CHỖ CHỮ ĐÓNG

NGUYỄN HIỂN THUẬN



Số: 2025.2555/KQ-EUC

Ngày 27 tháng 09 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Theo kế hoạch lấy mẫu số: 25.09.17-5M/HT-EUC

- Tên khách hàng: **CÔNG TY TNHH EARTH CORPORATION VIỆT NAM**
Địa điểm lấy mẫu: **Lô C6 đường N3, Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, Phường Tân Hiệp, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam**
- Loại mẫu: **Nước thải**
- Tình trạng mẫu: **Mẫu được bảo quản tại hiện trường**
- Ngày nhận mẫu: **17/09/2025**
- Thời gian thử nghiệm: **17/09/2025 – 27/09/2025**
- Phương pháp lấy và bảo quản mẫu: **TCVN 5999:1995; TCVN 6663-14:2018; TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-1:2011; TCVN 8880:2011**
- Mã số mẫu: **2509.168NT - Sau HTXL Nước Thải**
- Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện/ phạm vi đo	Kết quả thử nghiệm	QCVN 40: 2011/BTNMT CỘT B
					2509.168NT	
1.	pH ⁽¹⁾	-	TCVN 6492: 2011	2 - 12	7,44	5,5 - 9
2.	TSS ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 2540D:2017	3,0	30	100
3.	BOD ₅ ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 6001-1:2008	1,0	23	50
4.	COD ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 5220.C:2017	3,0	94	150
5.	TN ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 6638:2000	3,0	17,5	40
6.	TP ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2017	0,1	KPH	6
7.	NH ₄ ⁺ -N ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 5988:1995	1,0	3,01	10
8.	Dầu mỡ khoáng ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	0,3	3,6	10
9.	Chất hoạt động bề mặt ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 5540 B&C:2017	0,03	0,070	-
10.	Coliform ⁽¹⁾	MPN/ 100 ml	SMEWW 9221B: 2017	3,0	KPH	.. .00

Ghi chú: -⁽¹⁾: Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;

- (-): Không quy định;

- KPH: Không phát hiện, kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện của phương pháp;

- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử tại thời điểm lấy/ đo đạc;

- Thời gian lưu mẫu: 5 ngày (mẫu nước) kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, Công ty TNHH E.U.C không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;

- Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng;

PHÒNG THÍ NGHIỆM

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ THANH XUÂN

NGUYỄN HIÊN THUẬN



CÔNG TY TNHH E.U.C

Địa Chỉ: Số 41/24 Đường Lê Hồng Phong, Phường Phú Lợi, Thành Phố Hồ Chí Minh

Hotline: 0933.42.52.39

Email: eucvina@gmail.com

Website: www.eucvina.com

Số: 2025.497/KQ-MTLĐ

Ngày 27 tháng 09 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Theo kế hoạch lấy mẫu số: 25.09.17-5M/HT-EUC

- | | |
|---|---|
| 1. Tên khách hàng:
Địa điểm lấy mẫu: | CÔNG TY TNHH EARTH CORPORATION VIỆT NAM
Lô C6 đường N3, Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, Phường Tân Hiệp, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam |
| 2. Loại mẫu: | Không khí môi trường lao động |
| 3. Ngày lấy mẫu: | 17/09/2025 |
| 4. Thời gian thử nghiệm: | 17/09/2025 - 27/09/2025 |
| 5. Phương pháp thử nghiệm: | |

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp lấy mẫu/ thử nghiệm	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1.	Nhiệt độ ⁽¹⁾	°C	TCVN 5508:2009	-25,3-50
2.	Độ ẩm ⁽¹⁾	%	TCVN 5508:2009	0-100
3.	Tốc độ gió ⁽¹⁾	m/s	TCVN 5508:2009	0,01-25
4.	Ánh sáng ⁽¹⁾	lux	TCVN 5176:1990	0-20.000
5.	Tiếng ồn ⁽¹⁾	dBA	TCVN 9799:2013	20-140
6.	Bụi tổng ⁽¹⁾	mg/m ³	QCVN 02:2019/BYT - Phụ lục 1	0,055
7.	CO ⁽¹⁾	mg/m ³	QCVN 03:2019/BYT - Phụ lục 14	0,5
8.	SO ₂ ⁽¹⁾	mg/m ³	QCVN 03:2019/BYT - Phụ lục 44	0,025
9.	NO ₂ ⁽¹⁾	mg/m ³	QCVN 03:2019/BYT - Phụ lục 37	0,025
10.	HCl ⁽¹⁾	mg/m ³	QCVN 03:2019/BYT Phụ lục 3	0,10

6. Kết quả thử nghiệm:

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Kết quả thử nghiệm									
		Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Ánh sáng (lux)	Tốc độ gió (m/s)	Độ ồn (dBA)	Bụi	CO	SO ₂	NO ₂	HCl
2509.168 KKNX -01	Khu Vực Lễ Tân	28,2	68,5	513	0,3	51,8	0,424	4,65	KPH	KPH	--
2509.168 KKNX -02	Khu Vực Thành Phẩm	30,1	61,7	278	0,2	68,7	0,853	4,35	KPH	KPH	KPH
2509.168 KKNX -03	Khu Vực Bao Bì	29,5	58,9	478	0,3	63,5	1,06	3,99	KPH	KPH	KPH
2509.168 KKNX -04	Khu Vực Tây Nhà Tắm	29,8	71,7	578	0,3	74,6	0,638	4,72	KPH	KPH	KPH
2509.168 KKNX -05	Khu Vực Đóng Gói	30,7	78,4	378	0,3	75,4	1,28	3,96	KPH	KPH	KPH
2509.168 KKNX -06	Khu Vực Xưởng AEROSOL	31,3	68,4	327	0,2	77,6	1,07	3,75	KPH	KPH	KPH
QCVN 26:2016/BYT		18 - 32	40 - 80	-	0,1 - 1,5	-	-	-	-	-	-
QCVN 22:2016/BYT		-	-	≥ 200	-	-	-	-	-	-	-
QCVN 24:2016/BYT		-	-	-	-	≤ 85	-	-	-	-	-
QCVN 02:2019/BYT		-	-	-	-	-	8	-	-	-	-
QCVN 03:2019/BYT		-	-	-	-	-	-	40	10	10	7,5

Ghi chú:
 -⁽¹⁾: Thông số được Bộ Y Tế công nhận theo ND 44/2016/ND-CP;
 - Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy/đo đạc;
 - KPH: Không phát hiện; Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện của phương pháp;
 - (-): Không quy định;
 - (-/-): Không thực hiện;
 - Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

PHÒNG THÍ NGHIỆM

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ THANH XUÂN

NGUYỄN HIẾN THUẬN



Số: 2025.3557/KQ-EUC

Ngày 20 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Theo kế hoạch lấy mẫu số: 25.12.11-1D/HT-EUC

- Tên khách hàng: **CÔNG TY TNHH EARTH CORPORATION VIỆT NAM**
Địa điểm lấy mẫu: **Lô C6 đường N3, Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, Phường Tân Hiệp, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam**
- Loại mẫu: **Nước thải**
- Tình trạng mẫu: **Mẫu được bảo quản tại hiện trường**
- Ngày nhận mẫu: **11/12/2025**
- Thời gian thử nghiệm: **11/12/2025 – 20/12/2025**
- Phương pháp lấy và bảo quản mẫu: **TCVN 5999:1995; TCVN 6663-14:2018; TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-1:2011; TCVN 8880:2011**
- Mã số mẫu: **2512.141NT - Sau HTXL Nước Thải**
- Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện/ phạm vi đo	Kết quả thử nghiệm	QCVN 40: 2011/BTNMT CỘT B
					2512.141NT	
1.	pH ⁽¹⁾	-	TCVN 6492: 2011	2 - 12	7,03	5,5 - 9
2.	TSS ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 2540D:2017	3,0	33	100
3.	BOD ₅ ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 6001-1:2008	1,0	30	50
4.	COD ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 5220.C:2017	3,0	72	150
5.	TN ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 6638:2000	3,0	12,1	40
6.	TP ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW/4500-P.B&E:2017	0,1	KPH	6
7.	NH ₄ ⁺ -N ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 5988:1995	1,0	KPH	10
8.	Dầu mỡ khoáng ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	0,3	KPH	10
9.	Chất hoạt động bề mặt ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 5540 B&C:2017	0,03	0,161	-
10.	Coliform ⁽¹⁾	MPN/ 100 ml	SMEWW 9221B: 2017	3,0	130	5.000

Ghi chú: ⁽¹⁾: Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;

- (-): Không quy định;

- KPH: Không phát hiện, kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện của phương pháp;

- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử tại thời điểm lấy/ đo đạc;

- Thời gian lưu mẫu: 5 ngày (mẫu nước) kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, Công ty TNHH E.U.C không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;

- Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng;

PHÒNG THÍ NGHIỆM

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ THANH XUÂN

NGUYỄN HIỀN THUẬN



CÔNG TY TNHH E.U.C

Địa Chỉ: Số 41/24 Đường Lê Hồng Phong, Phường Phú Lợi, Thành Phố Hồ Chí Minh
Hotline: 0933.42.52.39 Email: eucvina@gmail.com Website: www.eucvina.com

Số: 2025.862/KQ-MTLĐ

Ngày 20 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Theo kế hoạch lấy mẫu số: 25.12.11-ID/HT-EUC

- Tên khách hàng: **CÔNG TY TNHH EARTH CORPORATION VIỆT NAM**
Địa điểm lấy mẫu: Lô C6 đường N3, Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, Phường Tân Hiệp, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Loại mẫu: Không khí môi trường lao động
- Ngày lấy mẫu: 11/12/2025
- Thời gian thử nghiệm: 11/12/2025 - 20/12/2025
- Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp lấy mẫu/ thử nghiệm	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1.	Nhiệt độ ⁽¹⁾	°C	TCVN 5508:2009	-25,3-50
2.	Độ ẩm ⁽¹⁾	%	TCVN 5508:2009	0-100
3.	Tốc độ gió ⁽¹⁾	m/s	TCVN 5508:2009	0,01-25
4.	Ánh sáng ⁽¹⁾	lux	TCVN 5176:1990	0-20.000
5.	Tiếng ồn ⁽¹⁾	dBA	TCVN 9799:2013	20-140
6.	Bụi tổng ⁽¹⁾	mg/m ³	QCVN 02:2019/BYT - Phụ lục 1	0,055
7.	CO ⁽¹⁾	mg/m ³	QCVN 03:2019/BYT - Phụ lục 14	0,5
8.	SO ₂ ⁽¹⁾	mg/m ³	QCVN 03:2019/BYT - Phụ lục 44	0,025
9.	NO ₂ ⁽¹⁾	mg/m ³	QCVN 03:2019/BYT- Phụ lục 37	0,025
10.	HCl ⁽¹⁾	mg/m ³	QCVN 03:2019/BYT Phụ lục 3	0,10

6. Kết quả thử nghiệm:

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Kết quả thử nghiệm										
		Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Ánh sáng (lux)	Tốc độ gió (m/s)	Độ ồn (dBA)	Bụi (mg/m ³)	CO	SO ₂	NO ₂	HCl	
2512.141 KKNX -01	Khu Vực Thành Phẩm	30,4	69,3	433	0,2	71,2	0,115	4,10	KPH	KPH	KPH	
2512.141 KKNX -02	Khu Vực Bao Bì	30,3	68,8	450	0,2	69,3	0,128	3,55	KPH	KPH	KPH	
2512.141 KKNX -03	Khu Vực Tây Nhà Tắm	30,1	68,3	536	0,3	81,9	0,130	4,08	KPH	KPH	KPH	
2512.141 KKNX -04	Khu Vực Đóng Gói	30,2	68,1	489	0,3	75,8	0,132	4,69	KPH	KPH	KPH	
2512.141 KKNX -05	Khu Vực Xưởng AEROSOL	30,5	66,7	567	0,2	82,2	0,107	4,14	KPH	KPH	KPH	
QCVN 26:2016/BYT		18 - 32	40 - 80	-	0,1 - 1,5	-	-	-	-	-	-	
QCVN 22:2016/BYT		-	-	≥ 200	-	-	-	-	-	-	-	
QCVN 24:2016/BYT		-	-	-	-	≤ 85	-	-	-	-	-	
QCVN 02:2019/BYT		-	-	-	-	-	8	-	-	-	-	
QCVN 03:2019/BYT		-	-	-	-	-	-	40	10	10	7,5	

Ghi chú:
⁽¹⁾: Thông số được Bộ Y Tế công nhận theo ND 44/2016/ND-CP;
 - Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu;
 - KPH: Không phát hiện; Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện của phương pháp;
 - (-): Không quy định;
 - (-/-): Không thực hiện;
 - Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

PHÒNG THÍ NGHIỆM

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ THANH XUÂN

NGUYỄN HIẾN THUẬN

the 1990s, the number of publications on the topic has increased steadily (see Figure 1).

As a result of the increasing attention to the topic, the number of journals publishing articles on the topic has also increased. In 1990, the *Journal of Business Ethics* was the only journal to publish articles on the topic. By 1995, the *Journal of Business Ethics* and the *Journal of Business Ethics* were the only journals to publish articles on the topic.

By 2000, the *Journal of Business Ethics* and the *Journal of Business Ethics* were the only journals to publish articles on the topic. By 2005, the *Journal of Business Ethics* and the *Journal of Business Ethics* were the only journals to publish articles on the topic.

By 2010, the *Journal of Business Ethics* and the *Journal of Business Ethics* were the only journals to publish articles on the topic. By 2015, the *Journal of Business Ethics* and the *Journal of Business Ethics* were the only journals to publish articles on the topic.

By 2020, the *Journal of Business Ethics* and the *Journal of Business Ethics* were the only journals to publish articles on the topic. By 2025, the *Journal of Business Ethics* and the *Journal of Business Ethics* were the only journals to publish articles on the topic.

By 2030, the *Journal of Business Ethics* and the *Journal of Business Ethics* were the only journals to publish articles on the topic. By 2035, the *Journal of Business Ethics* and the *Journal of Business Ethics* were the only journals to publish articles on the topic.

By 2040, the *Journal of Business Ethics* and the *Journal of Business Ethics* were the only journals to publish articles on the topic. By 2045, the *Journal of Business Ethics* and the *Journal of Business Ethics* were the only journals to publish articles on the topic.

By 2050, the *Journal of Business Ethics* and the *Journal of Business Ethics* were the only journals to publish articles on the topic. By 2055, the *Journal of Business Ethics* and the *Journal of Business Ethics* were the only journals to publish articles on the topic.

By 2060, the *Journal of Business Ethics* and the *Journal of Business Ethics* were the only journals to publish articles on the topic. By 2065, the *Journal of Business Ethics* and the *Journal of Business Ethics* were the only journals to publish articles on the topic.

By 2070, the *Journal of Business Ethics* and the *Journal of Business Ethics* were the only journals to publish articles on the topic. By 2075, the *Journal of Business Ethics* and the *Journal of Business Ethics* were the only journals to publish articles on the topic.

By 2080, the *Journal of Business Ethics* and the *Journal of Business Ethics* were the only journals to publish articles on the topic. By 2085, the *Journal of Business Ethics* and the *Journal of Business Ethics* were the only journals to publish articles on the topic.

By 2090, the *Journal of Business Ethics* and the *Journal of Business Ethics* were the only journals to publish articles on the topic. By 2095, the *Journal of Business Ethics* and the *Journal of Business Ethics* were the only journals to publish articles on the topic.

By 2100, the *Journal of Business Ethics* and the *Journal of Business Ethics* were the only journals to publish articles on the topic. By 2105, the *Journal of Business Ethics* and the *Journal of Business Ethics* were the only journals to publish articles on the topic.